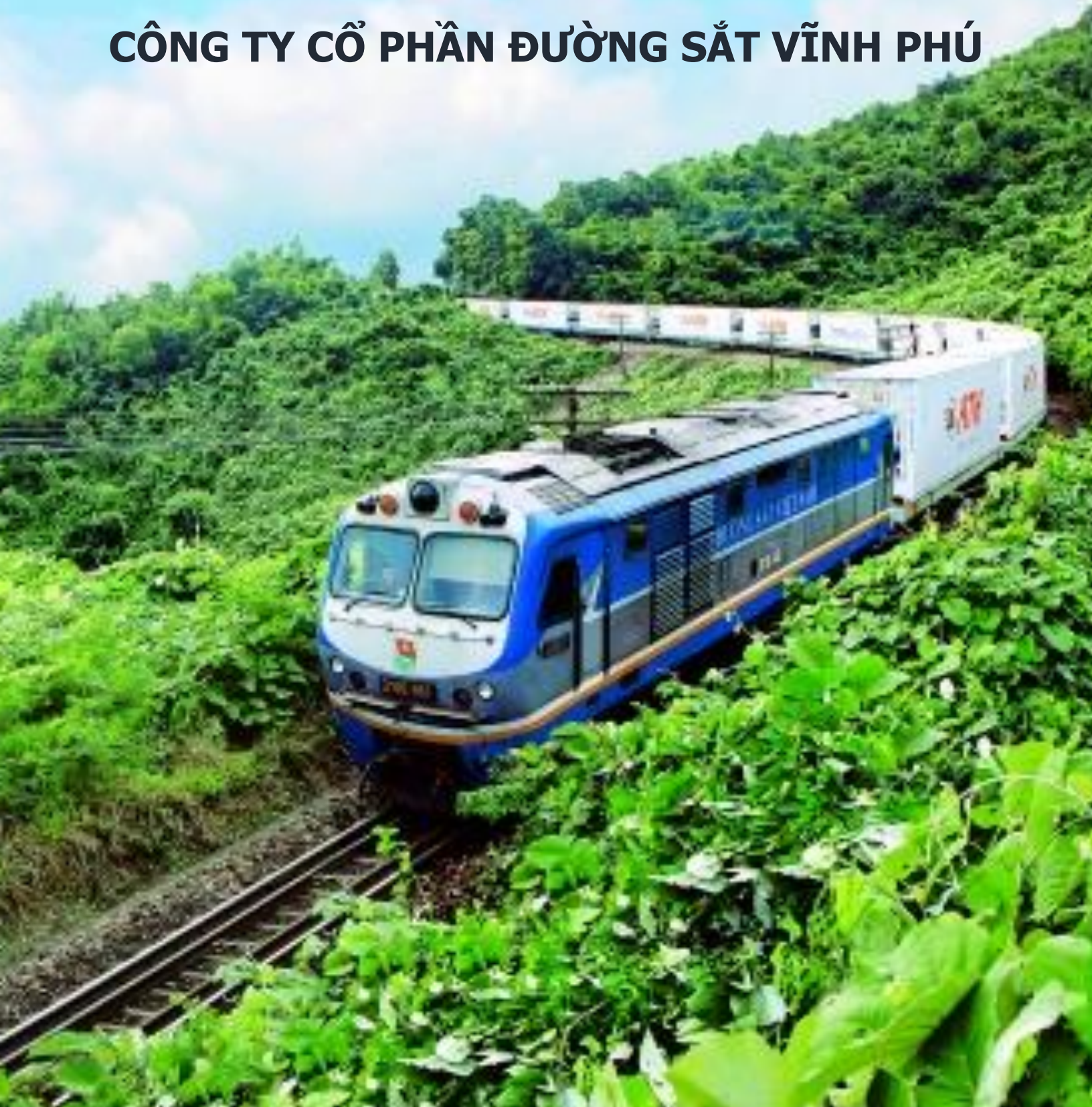


BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2016
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT VĨNH PHÚ



MỤC LỤC

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Quá trình hình thành phát triển
2. Ngành nghề kinh doanh, Địa bàn kinh doanh
3. Sơ đồ tổ chức
4. Định hướng phát triển 2017
5. Rủi ro

1 - 17

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và Nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

18 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Tình hình tài chính của Công ty trong năm 2016
2. Nhìn lại những thành tựu, tiến bộ của Công ty năm 2016
3. Kế hoạch hoạt động trong năm 2017

32 - 38

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá tổng quản về kinh tế vĩ mô và môi trường kinh doanh
2. Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
3. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc
4. Định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2017

39 - 43

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Báo cáo và đánh giá của Ban kiểm soát
3. Lương, thù lao của HĐQT, Ban TGD và BKS năm 2016
4. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan
5. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

44 - 49

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Tiêu thụ năng lượng
2. Bảo vệ môi trường
3. Chính sách liên quan đến người lao động

50 - 54

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

55





THÔNG TIN CHUNG

Tên công ty : **Công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú**
Tên giao dịch : **VINH PHU RAILWAY JOINT STOCK COMPANY**
Vốn điều lệ : **12,295,790,000VNĐ**
Trụ sở chính : **Phố Kiến Thiết - phường Bến Gót - TP.Việt Trì - tỉnh Phú Thọ**
Điện thoại : **0210 3910217**
Fax : **0210 3910249**
Email : **hns@hns.com.vn**
Website : **duongsatvp@gmail.com**
Giấy chứng nhận ĐKKD : **2600109073**
Mã cổ phiếu : **DSV**

Logo :



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN

2016 Ngày 02/12/2016, giao dịch đầu tiên trên sàn UPCoM với giá tham chiếu 10.000 đ/cp



Ngày 31 tháng 12 năm 2015, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 2 số 2600109073 cho Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú

2015

2015 Ngày 30/10/2015, Bộ Giao thông vận tải Quyết định số 3898/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Vĩnh Phú thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam thành Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú.

Từ tháng 06/2010, Công ty QLĐS Vĩnh Phú được chuyển thành Công ty TNHH một thành viên QLĐS Vĩnh Phú theo Quyết định số 717/QĐ-ĐS ngày 29/6/2010 của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam

2010

2003 Ngày 20/03/2003, Xí nghiệp QLĐS Vĩnh Phú đổi tên thành Công ty Quản lý Đường Sắt Vĩnh Phú

Tháng 05/1965, Tổng cục đường sắt ban hành QĐ số 1119Q Đ/TC thành lập 7 Đoạn quản lý Đường sắt. Công vụ đoạn Việt Trì đổi tên là Đoạn Quản lý đường sắt 6, phạm vi quản lý bao gồm: Đường Việt Trì - Yên Viên - Thái Nguyên

1965

1955 Tiền thân là Công vụ đoạn Việt Trì thành lập ngày 22/12/1955 theo QĐ của Tổng cục Đường sắt 2127/QĐ-ĐS



"Quá trình hình thành, xây dựng và phát triển của Công ty quản lý đường sắt Vĩnh Phú gắn liền với truyền thống lịch sử phát triển của Ngành đường sắt. Tuy có những lúc thăng trầm, song nhìn chung mỗi thời kỳ là mỗi bước phát triển đi lên. Cho tôi xin phép được thay mặt CBCNV thế hệ hôm nay cảm ơn các thế hệ cha anh đi trước đã đặt nền móng để có được sự trưởng thành và phát triển ngày nay của Công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú" – Chủ tịch HĐQT



Hàng năm Công đoàn và Đoàn thanh niên công ty đều được cấp trên xét công nhận là đơn vị vững mạnh xuất sắc.

Từ năm 2001 đến nay, Công ty thường xuyên là đơn vị "Đ dẫn đầu thi đua" toàn Ngành, nhận được nhiều Bằng khen của 2 tỉnh và các cấp trong Ngành Giao thông Vận tải.

2007, Công ty được Chính phủ trao tặng bằng khen và hôm nay chúng ta lại vinh dự được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng Ba cho CBCNV Công ty.



Công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú tự hào là đơn vị thành viên có thể mạnh trong các hoạt động văn hóa thể thao toàn Ngành, cũng như các hoạt động xã hội – cộng đồng.



Hằng năm, Công ty thường tổ chức các hoạt động xã hội nhằm hỗ trợ cho những gia đình, cá nhân có hoàn cảnh khó khăn tại vùng sâu, vùng xa của cả nước như trao tặng Sổ tiết kiệm tình nghĩa, chương trình “Áo ấm cho em”...



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH, ĐỊA BÀN KINH DOANH

Chiến lược kinh doanh của Công ty là duy trì và khai thác có hiệu quả hoạt động thi công xây lắp và sửa chữa, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt; đồng thời đẩy mạnh hoạt động nhận thầu thi công các công trình trong và ngoài ngành đường sắt, kinh doanh sản phẩm công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt, bao gồm: bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt, sửa chữa định kỳ, sửa chữa lớn



các công trình đường sắt (theo hình thức chỉ định thầu hoặc đặt hàng);

- Tham gia cứu chữa, cứu nạn sự cố xảy ra trên đường sắt, khắc phục bão lũ;



- Xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng, công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh khác:

- Sản xuất cấu kiện bê tông, sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất các cấu kiện bằng kim loại...
- Tư vấn đầu tư xây dựng chuyên ngành;
- Thí nghiệm, kiểm nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu;



- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;



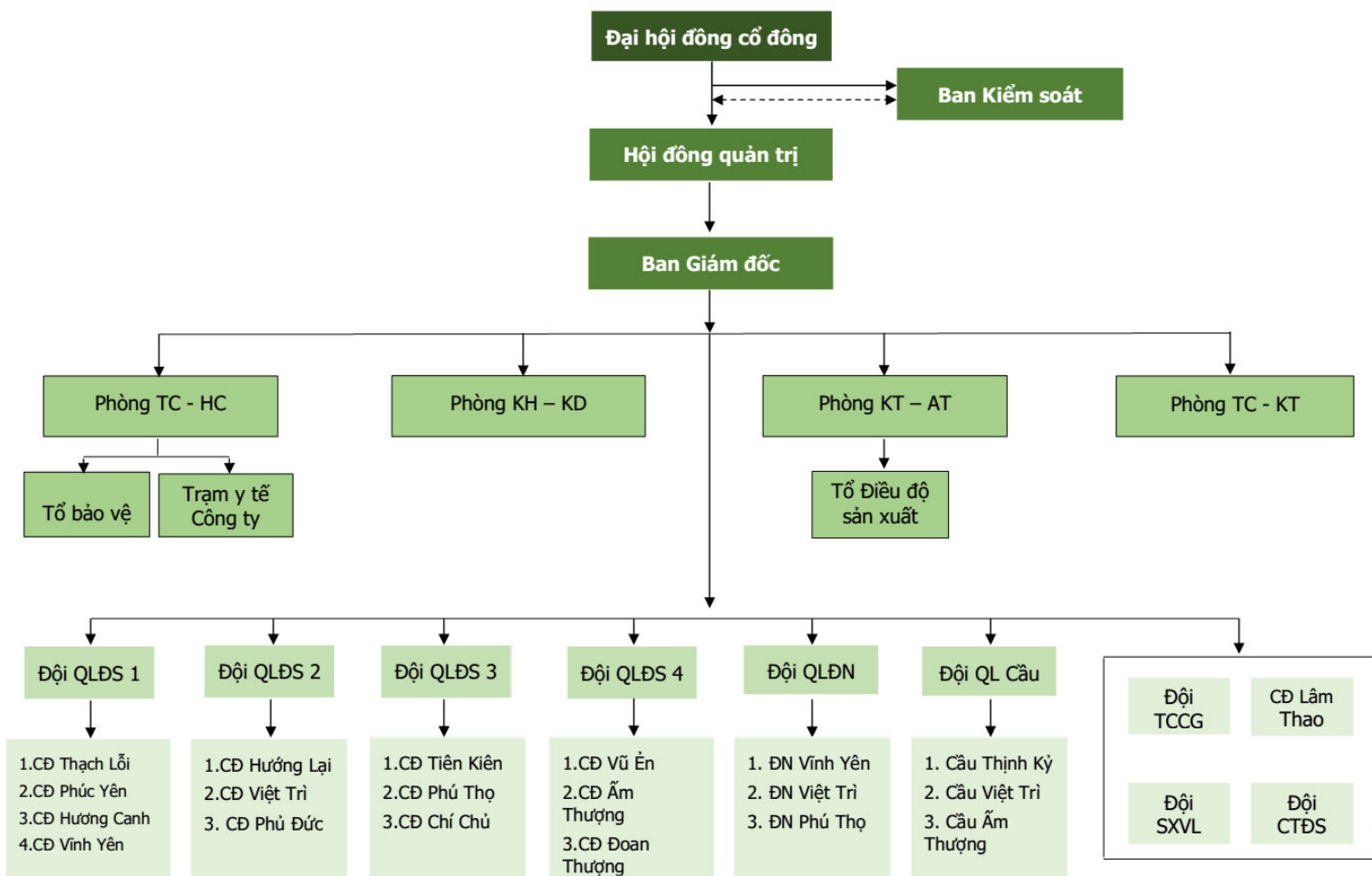
- Khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ, kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Kinh doanh, sản xuất đá và kinh doanh các sản phẩm bằng đá.

Địa bàn kinh doanh:

Công ty đang phấn đấu mục tiêu củng cố vị trí và mở rộng địa bàn hoạt động trên cả nước, liên doanh, liên kết với các chủ đầu tư nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh trong nhận thầu, tạo điều kiện phát triển chuyên môn hóa một cách có hiệu quả, khai thác được thế mạnh, khắc phục mặt yếu trong quá trình thực hiện triển khai các công trình.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ - QUẢN LÝ



Ghi chú: - Đội QLĐS 1, quản lý từ Km 29+000~Km 59+000; Đội QLĐS 2, quản lý từ Km 59+000~Km 86+750; Đội QLĐS 3, quản lý từ Km 86+750~Km 105+000; Đội QLĐS 4, quản lý từ Km 105+000~Km 144+750. Mỗi Đội QLĐS, quản lý đường sắt chính tuyến trong phạm vi lý trình trên, bao gồm cả trạng thái kỹ thuật ĐN).

- Đội QL Cầu: quản lý tất cả cầu, cống trên đường sắt chính tuyến.

- Đội QLĐN: quản lý các đường ngang có người gác chính tuyến.

❖ Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

Gồm tất cả các cổ đông có quyền, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị công ty.

❖ Hội đồng quản trị (HĐQT)

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm



quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ HĐQT do Luật pháp và Điều lệ công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

❖ **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

❖ **Ban Giám đốc Công ty:**

Ban Giám đốc bao gồm 1 Giám đốc và 3 Phó giám đốc.

- Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- Phó giám đốc là người giúp việc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc nhiệm vụ được phân công; thực hiện các công việc thay Giám đốc khi được ủy quyền. Quyết định các công việc theo ủy quyền của Giám đốc và trong phạm vi quyền hạn.

❖ **Phòng Tổ Chức - Hành chính**

🚦 **Chức năng**

Là cơ quan giúp việc cho Giám đốc, thực hiện chức năng tham mưu, tổng hợp, tổ chức phối hợp giữa các phòng, đội, đơn vị trong Công ty trong việc thực hiện các



quyết định của Giám đốc công ty.

Nhiệm vụ

- Quản lý và hướng dẫn các phòng ban cơ quan Công ty về công tác văn thư, lưu trữ; tổ chức thực hiện công tác hành chính, văn thư, lưu trữ của Cơ quan Công ty theo quy định của pháp luật;
- Kiểm tra thể thức và thủ tục hành chính trong việc ban hành các văn bản của Công ty;
- Tham mưu cho Lãnh đạo về công tác tổ chức nhân sự của công ty;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc công ty giao.

❖ Phòng Kỹ thuật - An Toàn

Chức năng

- Tham mưu cho Giám đốc công ty trong công tác Quản lý kỹ thuật KCHT đường sắt và công tác đảm bảo an toàn giao thông đường sắt.

Nhiệm vụ

- Lập kế hoạch, theo dõi, giám sát, kiểm tra, đánh giá và báo cáo tình hình thực hiện sản xuất tại các đội định kỳ hàng tháng, quý, năm và đột xuất theo yêu cầu của Lãnh đạo công ty;
- Tổ chức nghiệm thu công tác bảo trì KCHT đường sắt và các công trình, sản phẩm khác;
- Phối hợp với các phòng nghiệp xây dựng định mức vật tư, định mức lao động, nhiên liệu trong nội bộ công ty;
- Trực tiếp hoặc phối hợp với đơn vị về quản lý kỹ thuật, tiến độ, chất lượng đối với các công trình và hạng mục công trình thi công thuộc các dự án do công ty đầu tư hoặc tại các gói thầu do công ty ký kết hợp đồng;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác về lĩnh vực kỹ thuật giám sát theo sự phân cấp, ủy quyền của Giám đốc.

❖ Phòng Kế hoạch – Kinh doanh

Chức năng

- Tham mưu cho Giám đốc công ty trong việc lĩnh vực kế hoạch sản xuất kinh



doanh, đầu tư trong công ty.

Nhiệm vụ

- Lập kế hoạch, theo dõi, kiểm tra và báo cáo tình hình thực hiện công tác bảo trì đường sắt định kỳ hàng tháng, quý, năm và đột xuất;
- Lập Hồ sơ thanh toán công trình, sản phẩm với các đối tác;
- Xây dựng kế hoạch; phương án giá cho công tác bảo trì đường sắt;
- Xây dựng kế hoạch đấu thầu và hồ sơ mời thầu đối với các gói thầu do Công ty làm chủ đầu tư. Thực hiện việc soạn thảo các Hợp đồng kinh tế, theo dõi tiến độ thực hiện và thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác về lĩnh vực kế hoạch vật tư theo sự phân cấp, giao quyền của Giám đốc.

❖ Phòng Tài chính - Kế toán

Chức năng

- Tham mưu cho Giám đốc công ty trong công tác tổ chức, quản lý và giám sát hoạt động kinh tế, tài chính, hạch toán kế toán và quản lý cổ phần.

Nhiệm vụ

- Lập kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đáp ứng yêu cầu SXKD của Công ty;
- Tham mưu xây dựng các quy chế, quy định, chế độ quản lý tài chính của Công ty;
- Huy động và điều hòa sử dụng vốn trong toàn công ty, phục vụ hoạt động SXKD đạt hiệu quả cao;
- Kiểm tra giám sát việc chấp hành các quy chế, quy định của Công ty và pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực tài chính kế toán;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc phân công.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



❖ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú với bề dày truyền thống và uy tín đã được khẳng định trên thị trường, Công ty đề ra mục tiêu thực hiện các nội dung sau:

- Xây dựng và phát triển để trở thành doanh nghiệp mạnh trong ngành giao thông.
- Nâng cao năng lực, tăng khả năng cạnh tranh của Công ty cổ phần, đưa Công ty cổ phần phát triển bền vững.
- Đa dạng hóa hình thức nhận thầu thi công trong đấu thầu các dự án lớn, tập trung tăng cường tổ chức và sử dụng hiệu quả nguồn vốn hiện có đồng thời tìm cách huy động nguồn vốn bên ngoài một cách hợp pháp để đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và các dự án đầu tư.
- Củng cố vị trí và mở rộng địa bàn hoạt động trên cả nước, liên doanh, liên kết với các chủ đầu tư nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh trong nhận thầu, tạo điều kiện phát triển chuyên môn hóa một cách có hiệu quả, khai thác được thế mạnh, khắc phục mặt yếu trong quá trình thực hiện triển khai các công trình.
- Đào tạo phát triển nguồn nhân lực sẵn có và có chính sách thu hút nguồn nhân lực bên ngoài để đáp ứng yêu cầu trong sản xuất kinh doanh.



❖ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

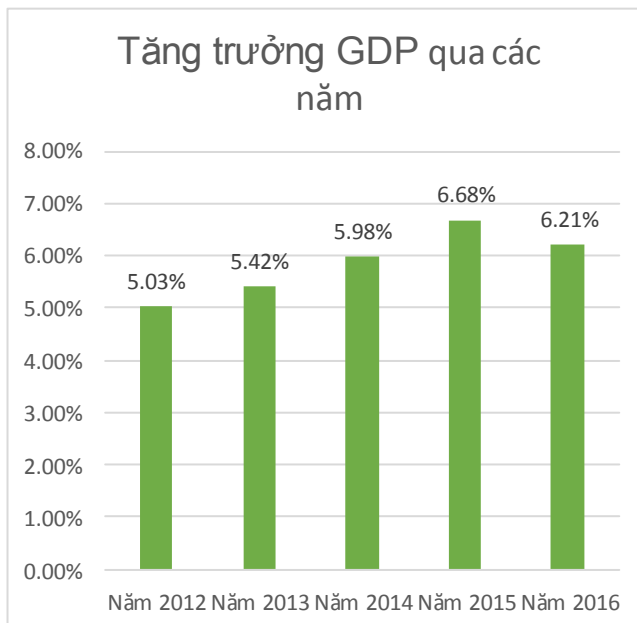
Chiến lược phát triển của Công ty dựa trên nguồn lực con người là khâu then chốt, quản trị doanh nghiệp là khâu trọng yếu và phát huy văn hóa doanh nghiệp là nhiệm vụ thường xuyên. Công ty thực hiện kiện toàn, sắp xếp lại bộ máy quản lý, điều hành từ cơ quan Công ty đến các đơn vị trực thuộc, theo định hướng cụ thể như sau:

- Công ty sẽ thực hiện chức năng chủ yếu là ký kết các hợp đồng, quản lý và triển khai các hợp đồng đã ký, huy động nguồn lực từ nhiều đơn vị; đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp, định hướng hoạt động đầu tư, kiểm tra giám sát việc sử dụng và phát triển nguồn vốn của Công ty tại các đơn vị.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh công tác quản lý, điều hành và đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trong cùng Công ty. Tiếp tục xây dựng, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy chế quản lý, xác lập mối quan hệ theo chiều dọc, điều hành thống nhất từ trên xuống dưới (giữa Công ty với các đơn vị trực thuộc).
- Thực hiện định hướng đầu tư phát triển đối với các đơn vị của Công ty trên cơ sở ổn định cơ cấu tổ chức, ngành nghề kinh doanh, sắp xếp đầu tư phát triển nguồn vốn, nguồn nhân lực, nâng cao năng lực máy móc thiết bị phát triển thị trường theo hướng chuyên ngành để tăng hiệu quả kinh doanh.
- Xây dựng một cơ chế hợp lý để khuyến khích các đơn vị trực thuộc sản xuất năng động hơn, chủ động hơn trong công tác tìm kiếm việc làm.



RỦI RO

❖ **Rủi ro về mặt kinh tế:** Tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm 2016 có dấu hiệu chững lại GDP chỉ đạt 6,2% không đạt được mục tiêu đề ra của Chính Phủ, giảm 0,5% so với năm 2015. Tuy nhiên, với kết quả trên Việt Nam vẫn là một trong những nền kinh tế tăng trưởng cao trên thế giới. Theo dự báo của Bloomberg tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm 2017 sẽ là 6,3% triển vọng trung hạn khá tích cực. Đây là nhân tố thuận lợi tác động đến sự phát triển chung của tất cả các ngành kinh tế trong cả nước cũng như ngành đường sắt.



Ngoài ra, sự phát triển của Công ty còn bị chi phối và chịu sự ảnh hưởng bởi mục tiêu, định hướng phát triển ngành đường sắt của Chính phủ qua từng thời kỳ.

❖ **Rủi ro về lãi suất:** Với đặc thù ngành đường sắt, các công trình thi công thường phát sinh nhu cầu tín dụng ngắn hạn, do đó biến động về lãi suất cũng



ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong năm 2016, mặt bằng lãi suất giữ ổn định,

một số tổ chức tín dụng giảm lãi suất cho vay để hỗ trợ sản xuất kinh doanh. Mặt



bằng lãi suất huy động sau khi tăng 0,2-0,3%/năm trong 3 tháng đầu năm thì từ tháng 4 đã ổn định, đặc biệt giữa tháng 4 và cuối tháng 09/2016, một số tổ chức tín dụng đã giảm từ 0,3-0,5%/năm lãi suất huy động, giảm khoảng 0,5-1%/năm lãi suất cho vay với kỳ hạn ngắn và 9-11%/năm với trung và dài hạn; đối với khách hàng tốt, lãi suất cho vay ngắn hạn từ 4-5%/năm.

❖ **Rủi ro pháp luật**

Được thành lập theo Luật doanh nghiệp, Công ty chịu sự chi phối của hệ thống pháp luật Việt Nam. Trước đây hệ thống pháp luật của Việt Nam vẫn còn thiếu tính ổn định và không nhất quán, các văn bản hướng dẫn thì hành không đầy đủ, thiếu tinh cập nhật và chông chéo. Việc áp dụng pháp luật vào thực tế cuộc sống còn nhiều bất cập, tình thực thì đôi khi chưa đạt hiệu quả cao, do vậy sẽ ảnh hưởng đến công tác hoạch định chiến lược phát triển dài hạn.

Kể từ khi trở thành thành viên của WTO, Việt Nam phải tuân theo luật chung và chấp nhận các thay đổi về chính sách thuế xuất nhập khẩu với những ưu đãi về thuế quan. Cho đến nay, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của nước ta đã dẫn hoàn thiện và luôn được thay đổi cho phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế, xã hội. Tuy nhiên, hệ thống văn bản này còn phải tiếp tục điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. Do vậy, việc nâng cao tính ổn định về các chính sách pháp luật của Nhà nước là hết sức cần thiết cho các doanh nghiệp, đặc biệt khi nền kinh tế Việt Nam đang từng bước hòa nhập với sự vận động và phát triển không ngừng của nền kinh tế thế giới.

❖ **Rủi ro đặc thù ngành:**

Đặc thù của hoạt động quản lý, bảo trì đường sắt Quốc gia là một trong những lĩnh vực đòi hỏi độ chính xác cao, có tính chất lưu động, độc hại, nguy hiểm, điều kiện lao động ngoài trời, vừa thi công vừa chạy tàu, do đó sản phẩm phải làm đi làm lại nhiều lần ảnh hưởng đến năng suất lao động, đồng thời có nhiều nguy cơ xảy ra tai nạn lao động và sự cố.

Tình hình người dân sống dọc hai bên đường sắt lấn chiếm, tái lấn chiếm, xây dựng các công trình, chôn thả gia súc trong hành lang an toàn giao thông đường



sắt, làm ảnh hưởng đến công tác an toàn chạy tàu. Tình hình vi phạm quy định khi tham gia giao thông tại các điểm giao cắt giữa đường sắt và đường bộ của người dân đã ảnh hưởng đến công tác của nhân viên đường sắt đang thi hành nhiệm vụ, tiềm ẩn nguy cơ tai nạn chạy tàu.

Đối với vật tư, vật liệu đầu vào chiếm tỷ trọng khá lớn trong cơ cấu chi phí sản xuất. Do vậy, sự biến động về giá cả của các chủng loại nguyên nhiên vật liệu có ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Đối với các công trình mà công ty đấu thầu hoặc nhận làm thầu phụ thì thời gian quyết toán, thu hồi vốn các công trình này thường diễn ra chậm cũng tác động tới hiệu quả kinh doanh của Công ty.

❖ **Rủi ro về cạnh tranh:**

Sự cạnh tranh trên thị trường cũng là nỗi lo của doanh nghiệp, khi hiện nay trên thị trường có rất nhiều doanh nghiệp trong cùng lĩnh vực hoạt động, do đó ảnh hưởng đến doanh thu thị phần khách hàng của công ty.

❖ **Rủi ro khác:**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn chịu một số rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố... Các rủi ro này khi xảy ra ít nhiều đều gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



BÁO CÁO TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016



1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

❖ Các chỉ tiêu kinh doanh chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục, chỉ tiêu	Thực hiện năm 2015	KH năm 2016 theo NQ ĐHCĐ	Thực hiện năm 2016	Tỷ lệ % so với 2015	Tỷ lệ % so với NQ
1	Sản lượng	126.139	125.169	152.438	120,9%	121,8%
2	Doanh thu	114.672	113.790	138.681	120,9%	121,8%
	Trong đó					
	- Sản phẩm đặt hàng	62.130	75.855	77.784	125,2%	102,5%
	- Sản phẩm ngoài đặt hàng	52.541	37.935	60.897	115,9%	160,5%
3	Chi phí	119.014	112.082	136.868	115%	122,1%
4	Lợi nhuận	1.800	1.708	1.813	100,7%	106,1%
5	Tỷ lệ lợi nhuận/Vốn điều lệ		14%	14,75%		105,3%
6	Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ		7,07%	7,07%		100%

Trong năm 2016, tập thể cán bộ, công nhân viên công ty đã rất cố gắng trong việc nâng cao sản lượng kinh doanh của mình, cụ thể mức tăng trưởng 120,9% so với năm 2015.

❖ Các chỉ tiêu so với kế hoạch

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2106	Thực hiện 2016	Đánh giá
1	Doanh thu sản phẩm đặt hàng	Đạt 100%	Đạt 102,5%	Vượt
2	Doanh thu sản phẩm ngoài đặt hàng	Tăng trên 10%	Tăng 60,5%	Vượt
3	Thu nhập BQ người lao động	Tăng 7-10%	Tăng 10%	Đạt
4	Tỷ lệ Lợi nhuận/ Vốn điều lệ	Đạt 14%	Đạt 14,75%	Vượt



2. Tổ chức và nhân sự

❖ *Danh sách Ban điều hành*

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Việt Anh – Chủ tịch HĐQT

Số CMND: 130752211 do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 09/01/2008

Ngày tháng năm sinh: 27/11/1964

Quê quán: Xã Trung Thành, huyện Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Phường Thanh Miếu, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ XD cầu đường

Quá trình công tác :

12/1988 - 12/1989	CN Đội đại tu đường sắt, Xí nghiệp QL Đường sắt Vĩnh Phú
01/1990 - 12/1993	Kỹ thuật viên, phòng Kỹ thuật, Xí nghiệp QL Đường sắt Vĩnh Phú
01/1994 - 12/2000	Trưởng phòng Kỹ thuật, Xí nghiệp QL Đường sắt Vĩnh Phú
01/2001 - 9/2003	Phó Giám đốc, Xí nghiệp QL Đường sắt Vĩnh Phú
10/2003 - 12/2008	Phó Giám đốc, Công ty QL Đường sắt Vĩnh Phú
01/2009 - 4/2012	Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Công ty QL Đường sắt Vĩnh Phú
5/2012 - 12/2015	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch kiêm Giám đốc, Cty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Vĩnh Phú
01/2016 đến nay	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT, Cty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú

Số lượng cổ phần sở hữu: 157.133 cổ phần - Tỷ lệ: 12,78%

Số cổ phần đại diện sở hữu: 313.543 cổ phần - Tỷ lệ: 25,5%



Các khoản nợ đối với Công ty: Không
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Ông Trần Như Thăng – Thành viên HĐQT

Số CMND: 131012469 do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 02/10/2007

Ngày tháng năm sinh: 30/6/1962

Quê quán: Xã Văn Khê, huyện Mê Linh, Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Phường Bến Gót, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ XD cầu đường

Quá trình công tác :

5/1987 - 12/1988	Thực tập tại Đội đại tu đường sắt, Xí nghiệp QL Đường sắt Vĩnh Phú
01/1989 - 8/1992	Kỹ thuật viên, phòng Kỹ thuật, Xí nghiệp QL Đường sắt Vĩnh Phú
9/1992 - 02/1997	Bí thư Đoàn thanh niên, Xí nghiệp QL Đường sắt Vĩnh Phú
3/1997 - 11/1998	Phó phòng Kế hoạch-Vật tư, Xí nghiệp QL Đường sắt Vĩnh Phú
12/1998 - 3/1999	Phó phòng Kỹ thuật, Xí nghiệp QL Đường sắt Vĩnh Phú
4/1999 - 6/2000	Phó phòng Kế hoạch-Vật tư, Xí nghiệp QL Đường sắt Vĩnh Phú
7/2000 - 11/2007	Trưởng phòng Kỹ thuật, Công ty QL Đường sắt Vĩnh Phú
12/2007 - 11/2015	Phó Giám đốc, Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Vĩnh Phú



12/2015 - 31/12/2015 Giám đốc, Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Vĩnh Phú

01/2016 đến nay Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú

Số lượng cổ phần sở hữu: 156.766 cổ phần - Tỷ lệ: 12,75%

Số cổ phần đại diện sở hữu: 313.542 cổ phần - Tỷ lệ: 25,5%

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Ông Nguyễn Văn Bình – Thành viên HĐQT

Số CMND: 130813954 do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 08/7/2018

Ngày tháng năm sinh: 02/12/1966

Quê quán: Xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Phường Bến Gót, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng Đường sắt

Quá trình công tác :

01/1985 - 12/2000 CN duy tu cầu Việt Trì, Xí nghiệp QL Đường sắt Vĩnh Phú

01/2001 - 9/2002 Nhân viên Đội thanh tra Giao thông Đường sắt, Xí nghiệp QL Đường sắt Vĩnh Phú

10/2002 - 01/2014 Giám sát viên, phòng Kỹ thuật, Xí nghiệp QL Đường sắt Vĩnh Phú

02/2014 - 3/2015 Phó phòng Kỹ thuật&ATGTĐS, Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Vĩnh Phú



4/2015 - 7/2015 Phó phòng Tổ chức lao động, Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Vĩnh Phú

8/2015 - 12/2015 Trưởng phòng Tổ chức lao động, Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Vĩnh Phú

01/2016 đến nay Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính, Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú

Số lượng cổ phần sở hữu: 2.563 cổ phần - Tỷ lệ: 0,21%

Số cổ phần đại diện sở hữu: 0

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh	Số CMND	Nơi cấp	Địa chỉ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
1	Bùi Trọng Dũng	01/3/1970	Trưởng ban	130928905	Cấp ngày 16/7/2011 tại CA tỉnh Phú Thọ	Phường Tiên Cát, Việt Trì, Phú Thọ.	0,16%
2	Trần Văn Dự	01/11/1975	Thành viên	132116281	Cấp ngày 02/3/2010 tại CA tỉnh Phú Thọ	Phường Tân Dân, Việt Trì, Phú Thọ	0,26%
3	Giang Tiến Duy	16/5/1981	Thành viên	131496941	Cấp ngày 01/3/2014 tại CA tỉnh Phú Thọ	Phường Thọ Sơn, Việt Trì, Phú Thọ	0,17%

BAN GIÁM ĐỐC

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh	Số CMND	Nơi cấp	Địa chỉ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
1	Trần Như Thăng	30/6/1962	Giám đốc	131012469	Cấp ngày 02/10/2007 tại CA tỉnh Phú Thọ	Phố Kiến Thiết, phường Bến Gót, Việt Trì, Phú Thọ.	12,75%



2	Trần Thanh Tâm	10/8/1958	Phó GD	131012371	Cấp ngày 18/7/2006 tại CA tỉnh Phú Thọ	Phường Tân Dân, Việt Trì, Phú Thọ	0,26%
3	Trần Ngọc Thăng	18/5/1963	Phó GD	135612013	Cấp ngày 29/3/2010 tại CA tỉnh Vĩnh Phúc	TT Hương Canh, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc.	0,17%
4	Phạm Xuân Tú	02/7/1982	Phó GD	131239645	Cấp ngày 23/02/2004 tại CA tỉnh Phú Thọ	Phố Kiến Thiết, phường Bến Gót, Việt Trì, Phú Thọ.	0,06%

Ông Nguyễn Hữu Tạo – Kế toán trưởng

Ngày tháng năm sinh: 12/06/1958

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế xây dựng

Số lượng cổ phần sở hữu: 3.076 cổ phần - Tỷ lệ: 0.25%

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

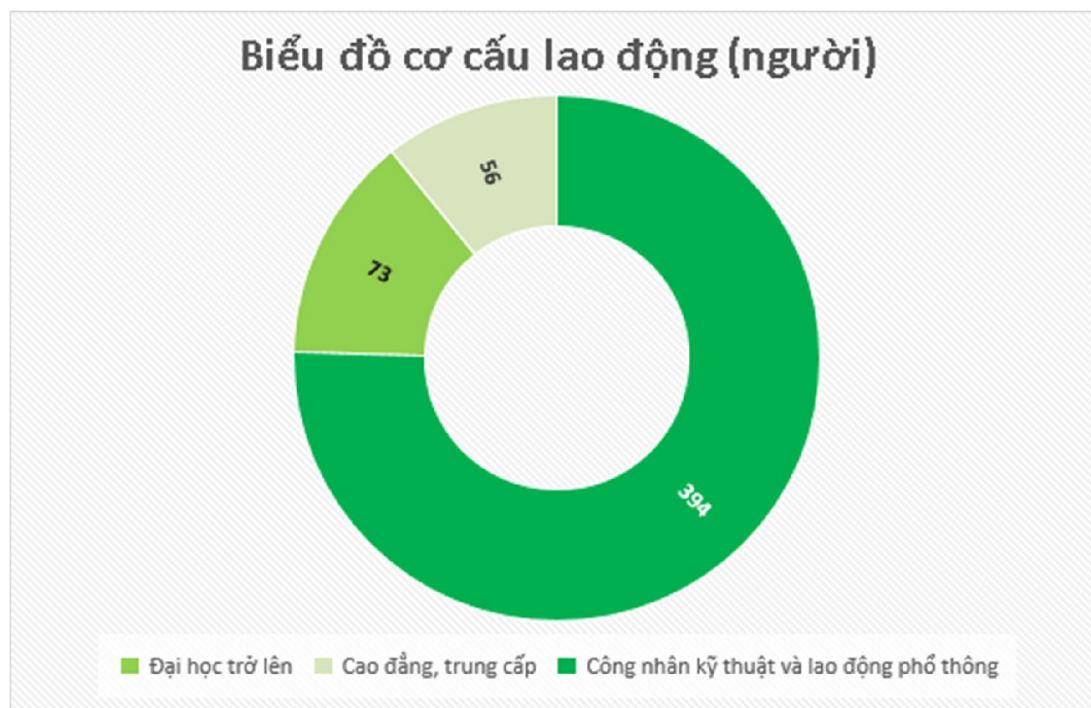
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không



❖ Lao động và chính sách lao động

Chính sách đối với người lao động:

- Chính sách tuyển dụng và đào tạo:
 - ✓ Để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả đòi hỏi lực lượng lao động giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, đội ngũ quản lý năng động, sáng tạo. Công ty xây



dựng kế hoạch đào tạo và đào tạo lại, tuyển dụng lao động căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty.

- ✓ Bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý có đủ năng lực, trình độ chuyên môn để đáp ứng được yêu cầu công việc đảm nhận.
- ✓ Sắp xếp, tinh giản lại nhân sự các phòng ban theo hướng gọn nhẹ.
- Chính sách lương thưởng và phúc lợi:
 - ✓ Công ty đã và tiếp tục cải thiện chính sách lương, thưởng phù hợp với từng vị trí công việc, kỹ năng và trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên nhằm ghi nhận đúng mức năng lực và kết quả công việc của từng cá nhân, đồng thời tạo động lực khuyến khích cán bộ nhân viên phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng



cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc.

- ✓ Có chế độ đãi ngộ hợp lý đối với những lao động có năng lực quản lý và tay nghề cao có nhiều cải tiến trong sản xuất mang lại lợi ích cho Công ty.
- ✓ Ngoài chế độ tiền lương Công ty thực hiện đầy đủ công bằng các chế độ chính sách khuyến khích người lao động như tiền lễ tết, thưởng hoàn thành kế hoạch, tạo cho người lao động yên tâm để gắn bó và làm việc hết mình cho doanh nghiệp.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

STT	Danh mục đầu tư	Giá trị thực hiện (triệu đồng) (Sau thuế VAT)
1	Máy đào bánh lốp (Hàn Quốc)	982,7
2	Máy chèn đường thủy lực	270,0
3	Máy phun kẻ vạch	220,0
	Cộng	1.472,7

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

c) Công ty mẹ: Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam

- Giấy chứng nhận đăng ký số 5200152471, đăng ký lần đầu ngày 26/07/2010, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 27/06/2014 tại Sở KHĐT Thành phố Hà Nội
- Địa chỉ: Số 118 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - Kinh doanh vận tải đường sắt, vận tải đa phương thức trong nước và liên vận quốc tế;
 - Quản lý, khai thác, bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia;
 - Kinh doanh hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt;
 - Điều hành giao thông vận tải đường sắt quốc gia;
 - Đại lý và dịch vụ vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, đường hàng không;
 - Tư vấn, khảo sát, thiết kế, chế tạo, đóng mới và sửa chữa các phương tiện,



thiết bị, phụ tùng chuyên ngành đường sắt và sản phẩm cơ khí.

- Vốn điều lệ: 2.268.000.000.000 đồng (Hai nghìn hai trăm sáu mươi tám tỷ đồng)
- Tỷ lệ nắm giữ của công ty mẹ (tại thời điểm 30/06/2016): nắm giữ 627.085 cổ phiếu, tương đương 51% vốn điều lệ.

4. Tình hình tài chính

❖ *Tình hình tài chính*

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	101,385	129,768	-21.87%
Doanh thu thuần	138,616	114,672	20.88%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1,809	2,003	-9.68%
Lợi nhuận khác	4,118	(202,860)	-102.03%
Lợi nhuận trước thuế	1,813	1,800	0.72%
Lợi nhuận sau thuế	1,440	1,393	3.38%

- Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31.12.2016 là 101,385 triệu đồng, giảm 21,87% so với năm 2015. Trong đó:
 - Tài sản dài hạn giảm 33,4% chủ yếu do Tài sản dài hạn khác của doanh nghiệp giảm 12.28 tỷ, tương ứng tốc độ giảm 42.04% so với năm 2015.
 - Tài sản ngắn hạn giảm 17,15 trong đó hàng tồn kho giảm 227,23% so với năm 2015 do chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và nguyên vật liệu tồn kho giảm mạnh
- Tuy doanh thu năm 2016 tăng 20,88% nhưng lợi nhuận gộp chỉ tăng 2,22% dẫn đến lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp chỉ tăng tăng nhẹ, lần lượt ở mức 0.72% và 3.38%.



❖ **Một số chỉ tiêu tài chính**

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2016	Năm 2015
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn (=TSLD/Nợ NH)	lần	0.87	0.78
	- Hệ số thanh toán nhanh (=(TSLD-Hàng tồn kho)/Nợ NH)	lần	0.72	0.41
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	- Hệ số nợ/tổng tài sản	lần	0.86	0.91
	- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	lần	6.38	9.55
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	- Vòng quay hàng tồn kho (=Giá VHB/hàng tồn kho bq)	lần	4.52	2.20
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	lần	1.37	0.88
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	1.04%	1.21%
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	%	10.48%	11.33%
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	%	1.42%	1.07%
	- Hệ số Lợi nhuận từ HDDKD/ Doanh thu thuần		1.31%	
	- Lãi cơ bản trên cổ phiếu		1.171	

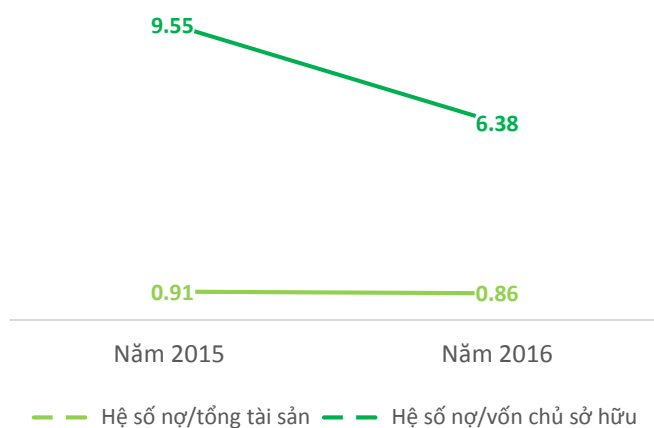


Khả năng thanh toán

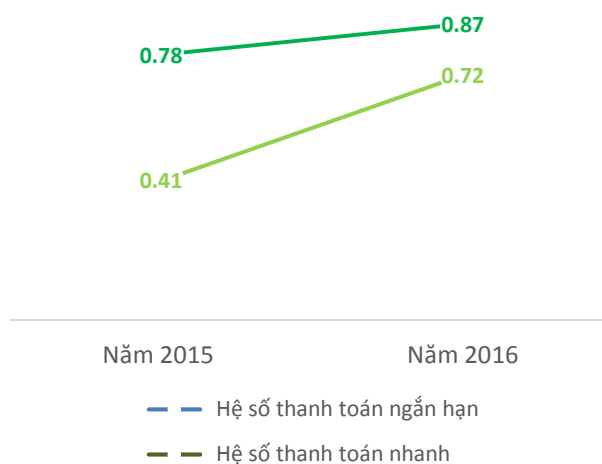
Khả năng thanh toán của doanh nghiệp năm 2016 có phần khởi sắc khi Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn và Hệ số thanh toán nhanh đều tăng, đang ở mức 0.87 lần và 0,72 lần, do Tài sản ngắn hạn và Nợ ngắn hạn của giảm nhưng tốc độ giảm của tài sản ngắn hạn (17,14%) nhỏ hơn tốc độ giảm của nợ ngắn hạn (25,39%), đặc biệt, Hàng tồn kho của doanh nghiệp giảm mạnh nên Hệ số thanh toán nhanh được cải thiện rõ rệt (tăng 0,32 lần so với năm 2015). Tuy nhiên, các hệ số về khả năng thanh toán của doanh nghiệp đều đang nhỏ hơn 1, doanh nghiệp có thể gặp khó khăn khi thanh toán những khoản nợ ngắn hạn và thanh toán nhanh.

Cơ cấu vốn

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN (LẦN)



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN (LẦN)



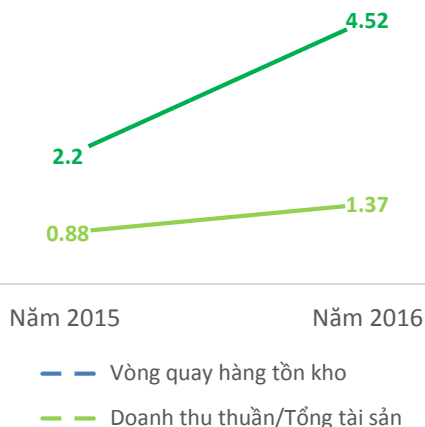
Hệ số Nợ/Tổng tài sản của doanh nghiệp giảm mạnh so với năm 2015, mức giảm 3,17 lần (tốc độ giảm 33,19%) và Nợ/Vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp giảm so với năm 2015 giảm nhẹ nguyên nhân là do Nợ của doanh nghiệp giảm mạnh, đặc biệt là nợ ngắn hạn (25,39%), vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tăng nhẹ (11,71%).



Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

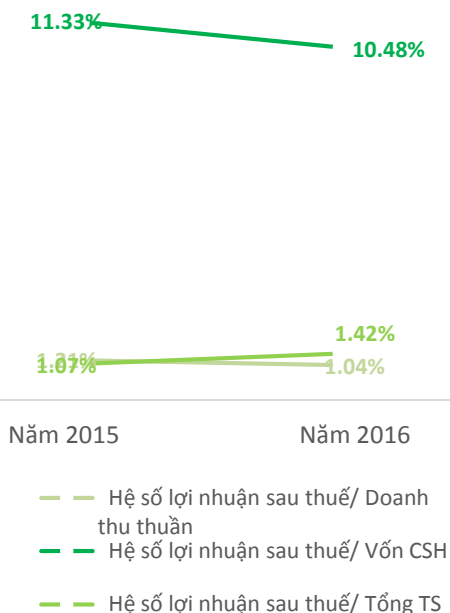
Vòng quay hàng tồn kho và Vòng quay tổng tài sản của doanh nghiệp năm 2016 tăng mạnh so với năm 2015 lần lượt ở mức 3,32 lần và 0,49 lần. Điều này cho thấy doanh nghiệp đang hoạt động tốt, vốn được quay vòng nhanh, hiệu quả sử dụng tài sản tăng.

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG (LẦN)



Khả năng sinh lời

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI (%)



Các chỉ số về khả năng sinh lời của công ty trong năm 2016 không có sự thay đổi nhiều so với năm 2015, chỉ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần, Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH giảm nhẹ, còn lần lượt ở mức 1,04% và 10,48%; chỉ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản tăng nhẹ, lên mức 1,42%. Nhìn chung, các chỉ số này còn thấp, giá vốn hàng bán của doanh nghiệp tăng cao làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận sau thuế tăng chậm lại, doanh nghiệp cần có biện pháp để giảm giá vốn hàng bán, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.



5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

❖ *Cổ phần*

Tính đến hết ngày 31/12/2016, Công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú đã phát hành 12.295.790 cổ phiếu. Trong đó:

- Số cổ phổ thông: 12.295.790 cổ phiếu.
- Số cổ phần ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số cổ phần đang lưu hành: 12.295.790 cổ phiếu
- Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu: 10,000 đồng

❖ *Cơ cấu cổ đông của công ty*

STT	Cổ đông	Số lượng	Số lượng (cổ phần)	Giá trị (Đồng)	Tỷ lệ (%)
I	Trong nước	301	1.229.579	12.295.790.000	100
1	Tổ chức trong nước	02	637.085	6.370.850.000	51,81
2	Cá nhân trong nước	299	592.094	5.920.940.000	48,19
II	Nước ngoài	-	-	-	0
	Tổng cộng	301	1.229.579	12.295.790.000	100

❖ *Danh sách cổ đông lớn*

Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	627,085	6,270,850,000	51%
Nguyễn Việt Anh	157,133	1,571,330,000	12.78%
Trần Như Thăng	156,766	1,567,660,000	12.75%
Tổng cộng	940,984	9,409,840,000	76.53%

Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC



1. Đặc điểm môi trường kinh doanh 2016

Năm 2016 là một năm đầy thử thách đối với nền kinh tế toàn cầu nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng.

Trên phạm vi toàn cầu, những bất ổn về chính trị và xã hội tại một số nền kinh tế đầu tàu đã ảnh hưởng không nhỏ đến kinh tế thế giới năm qua. Tiêu biểu là việc Anh trưng cầu ý dân để rời khỏi EU hay sự kiện Tổng thống Mỹ - Donald Trump đắc cử đã gây ra những cú sốc cho hệ thống tài chính trên thế giới. Bên cạnh đó, làn sóng bảo hộ mậu dịch đang có xu hướng gia tăng dẫn đến kim ngạch thương mại toàn cầu có nguy cơ sụt giảm.

Kinh tế Việt Nam năm 2016 cũng không nằm ngoài bức tranh đó. Ngoài việc, việc chịu ảnh hưởng từ các tác động xấu của kinh tế thế giới, năm qua Việt Nam phải còn gánh chịu những thiệt hại nặng nề của hạn hán, lũ lụt và các sự cố môi trường. Điều này dẫn đến tốc độ tăng trưởng GDP và một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô khác đã không đạt như chỉ kế hoạch ra.

Năm 2016 hoạt động SXKD của Công ty đạt được kết quả hết sức khả quan, trong điều kiện có những yếu tố thuận lợi như:

- Trong giai đoạn hiện nay, Chính phủ đang thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế, triển khai một số chính sách đối với thị trường bất động sản, phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng giao thông, quy hoạch...Điều đó tạo nhiều cơ hội tìm kiếm việc làm của Công ty. Cơ chế chính sách của Nhà nước ngày càng được hoàn thiện có tác dụng hỗ trợ cho doanh nghiệp phát triển bền vững.
- Công ty có truyền thống 60 năm trưởng thành và phát triển; hoạt động kinh doanh trong ngành xây dựng, đặc biệt có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng đường sắt, yêu cầu kỹ thuật cao, tiến độ gấp; Công ty có đội ngũ CBCNV trẻ, yêu nghề, có trình độ, kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng, quản lý, bảo trì KCHTĐS.
- Trong quá trình xây dựng và phát triển, Công ty luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo giúp đỡ của Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và các cơ quan hữu quan của Trung ương và địa phương. Chủ trương phát triển ngành đường sắt giai đoạn 2015-2020 tầm nhìn 2030 của Chính phủ đã mở ra một thị



trường lớn trong lĩnh vực lập các dự án đầu tư xây dựng. Chủ trương trên tạo cơ hội cho Công ty tiếp cận các chủ đầu tư, thực hiện triển khai công việc kinh doanh mũi nhọn hiện nay của Công ty là xây dựng các công trình đường sắt.

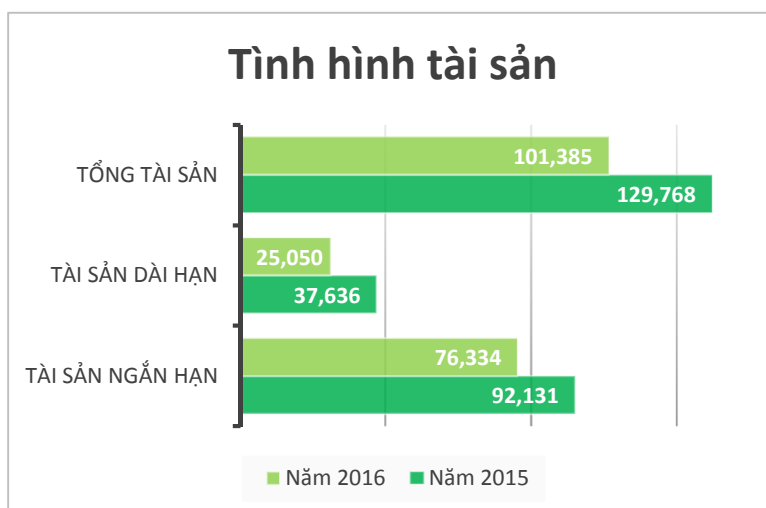
2. Tình hình tài chính của Công ty trong năm 2016

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		% Tăng giảm
	Giá trị (tr.đ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr.đ)	Tỷ trọng (%)	
Tài sản ngắn hạn	92.131	71	76.334	75,29	- 17,1
Tài sản dài hạn	37.636	29	25.050	24,71	- 33,4
Tổng tài sản	129.768	100	101.385	100	- 21,9%

Tổng tài sản của công ty giảm 21,9% so với năm 2015, do tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn đều giảm so với năm 2015.

Các yếu tố trong tài sản ngắn hạn của công ty đều giảm đi, trong đó đáng kể nhất là hàng tồn kho năm 2016 giảm mạnh 30,817 tỷ, tương ứng giảm 69,44% so với năm 2015. Nguyên nhân dẫn đến điều này chủ yếu là do giá nguyên vật liệu giảm mạnh (Theo công điện số 1225/CD-ĐS ngày 22/12/2015 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam về việc điều chỉnh giá ray Áo (giá cũ: 44.822.136 đồng/thanh, giá mới: 36.471.586 đồng/thanh, điều chỉnh giảm: 8.350.550 đồng/thanh)), chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cũng giảm mạnh (25,786 tỷ), vòng quay hàng tồn kho của doanh nghiệp tăng mạnh (tăng 2,32 lần). Công ty đã thực hiện điều chỉnh giảm giá trị trên vào giá gốc hàng tồn kho.



Tài sản dài hạn của công ty giảm nhẹ. Ngoài ra, có một điểm đáng chú ý là trong năm 2016 Công ty không còn các khoản phải thu dài hạn khác, cho thấy rằng công ty đang có chính sách thu hồi các khoản nợ khá tốt.

Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
NỢ PHẢI TRẢ	117,471,862,487	87.648.994.855
I. Nợ ngắn hạn	117.39.862.487	87.648.994.855
1. Phải trả người bán ngắn hạn	44.720.003.123	33,860,432,926
2. Người mua trả tiền trước	11.069.644.091	360,000,000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.152.609.534	3,900,747,030
4. Phải trả người lao động	11.631.802.577	15,807,608,468
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20.825.720.970	15,665,763,929
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	3.325.711.026	540,423,005
7. Phải trả ngắn hạn khác	21.714.371.166	17,297,818,497
II. Nợ dài hạn	32.000.000	-
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	32.000.000	-
2. Phải trả dài hạn khác	-	-

3. Nhìn lại những thành tựu, tiến bộ của Công ty năm 2016

Có được những thành quả này là nhờ vào sự quyết tâm, đồng lòng của cả Bộ máy lãnh đạo cũng như toàn thể CBCNV của Công ty. Điều này được thể hiện qua những điểm nổi bật sau:

- Về việc thực hiện Nghị quyết, Quyết định và các định hướng chỉ đạo của Tổng công ty ĐSVN: Công ty thực hiện đầy đủ và nghiêm túc tất cả các nội dung chỉ



đạo của Tổng công ty ĐSVN có liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác chính trị, tư tưởng của CBCNV và đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu trên các tuyến đường được giao quản lý, bảo trì.

- Về mặt tài chính: Công ty luôn cố gắng đảm bảo được nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, thanh toán kịp thời và đầy đủ mọi chế độ cho người lao động và hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước. Thực hiện kê khai và quyết toán thuế với cơ quan thuế theo đúng quy định của Luật quản lý thuế. Thanh toán các khoản nợ kịp thời theo cam kết, không có nợ xấu.
- Về chế độ chính sách đối với người lao động: Người lao động của Công ty được trả tiền lương, tiền công xứng đáng với năng lực công việc và các chế độ khác theo qui định; được thanh toán kịp thời và đầy đủ mọi chế độ.
- Về công tác đầu tư và quản lý tài sản: tài sản của Công ty được đầu tư đúng mục đích, đúng với các quy định của Nhà nước hiện hành, đảm bảo phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách hiệu quả.
- Công ty thường xuyên tạo đủ việc làm cho người lao động, đời sống cán bộ công nhân viên ngày một được nâng cao. Tất cả các công trình Công ty thực hiện trong thời gian qua được các khách hàng đánh giá cao về tiến độ và chất lượng thi công.
- Rà soát sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định quản lý nội bộ công ty phù hợp với các quy định của Nhà Nước, quy chế của Tập đoàn và tình hình thực tiễn của công ty.
- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra sát sao công tác an toàn kỹ thuật, an toàn PCCC, BVMT và an toàn VSLĐ. Nâng cao ý thức trách nhiệm chấp hành quy định của pháp luật, nội quy quy chế và của công ty, bảo đảm an toàn trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong tất cả các khâu từ chi phí văn phòng, sử dụng lao động hợp lý, công tác đầu tư, chi phí cải tạo sửa chữa, quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả.



4. Kế hoạch hoạt động trong năm 2017

4.1. Chỉ tiêu kế hoạch 2017

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục, chỉ tiêu	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Tỷ lệ % so với năm 2016
1	Sản lượng	152.438	160.176	105%
2	Doanh thu	138.681	145.615	105%
	Trong đó			
	- Sản phẩm đặt hàng	77.784	74.334	95,56%
	- Sản phẩm ngoài đặt hàng	60.897	71.280	117,1%
3	Chi phí:	136.868	144.095	105,3%
4	Lợi nhuận:	1.813	1.900	104,80%
5	Tỷ suất lợi nhuận/Vốn điều lệ	14,75%	15,5%	104,4%
6	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	7,07%	7,5%	106,1%

4.2. Giải pháp thực hiện

Nhận định những yếu tố ảnh hưởng tới thực hiện kế hoạch SXKD năm 2017:

- ✓ Căn cứ Quyết định số 4356/QĐ-BGTVT ngày 30/12/2016 của Bộ Giao thông vận tải phê duyệt kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia năm 2017 của Tổng công ty đường sắt Việt Nam, trong đó kế hoạch bảo dưỡng thường xuyên dự kiến giao cho Công ty cổ phần đường sắt Vinh Phú là 74,334 tỷ đồng bằng 95,6% so với năm 2016. Đây là khó khăn lớn trong việc tăng sản lượng, doanh thu chung của Công ty trong năm 2017.
- ✓ Đối với sản xuất ngoài công ích, Công ty đã rất nỗ lực tìm kiếm để có nhiều công trình. Do đó, sản lượng năm 2016 tăng 60,5% so với kế hoạch và bằng 115,9% so với năm 2015. Tuy nhiên, việc cạnh tranh gay gắt với các đơn vị cùng lĩnh vực trong ngành cũng như việc tiết giảm vốn đầu tư XD CB của Nhà nước là những khó khăn rất lớn để đạt được sản lượng, doanh thu trong năm 2017.



- ✓ Phạm vi kinh doanh chủ yếu của công ty là bảo trì, sửa chữa đường sắt và thi công các công trình.

Giải pháp thực hiện:

Trên cơ sở nguồn lực hiện có, kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2016, với phương châm giữ nhịp độ phát triển, tăng trưởng nhưng phải ổn định vững chắc, lấy mục tiêu hiệu quả trong sản xuất kinh doanh làm ăn có lãi để bảo tồn và phát triển vốn làm đầu, đảm bảo đời sống cho người lao động; đóng góp đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ đối với Nhà nước.

- ✓ Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp. Thực hiện tốt công tác quản lý, giám sát. Chỉ đạo công tác điều hành doanh nghiệp để hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017.
- ✓ Tiếp tục bổ sung, sửa đổi Hệ thống quy chế nội bộ của Công ty nhằm đảm bảo tính thống nhất, phối hợp và hỗ trợ lẫn nhau trong hoạt động quản lý, giám sát, điều hành các hoạt động của doanh nghiệp nhằm đem lại lợi ích hợp pháp tối đa cho cổ đông, doanh nghiệp.
- ✓ Thực hiện tốt công tác kiểm tra thường xuyên, đột xuất để chấn chỉnh kịp thời các sai phạm nhằm đảm bảo an toàn chạy tàu tuyệt đối.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



1. Đánh giá tổng quan

Đây là năm đầu tiên Công ty thực hiện theo mô hình Cổ phần hóa nên còn gặp nhiều khó khăn trong việc sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới cơ chế, chính sách, các quy chế, quy định quản lý nội bộ theo mô hình hoạt động của công ty cổ phần. Nguồn kinh phí đầu tư cho công tác bảo trì KCHT đường sắt chỉ đủ 60% theo định mức các hạng mục công việc. Trong năm 2016 việc tìm kiếm công việc ngoài sản phẩm công ích rất khó khăn do có sự cạnh tranh gay gắt của các đơn vị cùng lĩnh vực trong ngành. Một số dự án thi công ở xa và gặp nhiều khó khăn về lao động thuê ngoài, thời tiết khắc nghiệt, nên chi phí cao ảnh hưởng đến hoạt động SXKD và lợi nhuận của Công ty.

Tuy nhiên, Công ty có truyền thống 60 năm xây dựng và phát triển, có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng đường sắt. Công ty có đội ngũ CBCNV trẻ, yêu nghề, có trình độ, kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng, quản lý, bảo trì KCHTĐS. Công ty luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo giúp đỡ của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và các cơ quan hữu quan của Trung ương và địa phương trên địa bàn. Ban lãnh đạo cùng tập thể người lao động trong Công ty đoàn kết, nhất trí cao trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ SXKD và chiến lược phát triển của Công ty nên đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu SXKD đã được Đại hội cổ đông lần thứ nhất đề ra.

2. Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2016, HĐQT hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ, Luật doanh nghiệp. Các cuộc họp của HĐQT được duy trì đều đặn, đúng Điều lệ. HĐQT đã bám sát tình hình thực tế của công ty để triển khai đầy đủ, kịp thời và hiệu quả các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. HĐQT đã đưa ra và triển khai nhiều giải pháp phù hợp nhằm tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, giám sát các hoạt động của Công ty và thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ.

Trong năm 2016, HĐQT đã tổ chức 30 cuộc họp để thông qua các nội dung chính như sau:

- ✓ Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016.



- ✓ Thông qua một số quy chế nội bộ của Công ty: Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị; Ban giám đốc; Quy chế quản trị Công ty; Quy chế tài chính; Nội quy lao động; Quy chế trả lương đối với người lao động; Quy chế thực hiện dân chủ cơ sở...
- ✓ Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Hội đồng quản trị.
- ✓ Thông qua hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng.
- ✓ Thông qua việc đăng ký lưu ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) và đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán Upcom.
- ✓ Sắp xếp lại mô hình tổ chức Phòng khám đa khoa và phòng Quản lý công trình. Quyết định một số nội dung liên quan đến tổ chức, sản xuất kinh doanh của Công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- ✓ Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.
- ✓ Chỉ đạo Ban Điều hành để đưa ra các định hướng cũng như giải quyết kịp thời theo yêu cầu SX kinh doanh của Công ty.

3. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc công ty

Với vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của mình, HĐQT đã tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, theo dõi sát sao hoạt động của Giám đốc và người quản lý, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động điều hành của Giám đốc, các thành viên Ban Giám đốc Công ty. HĐQT đã chỉ đạo, giám sát hoạt động của Giám đốc thông qua đánh giá tình

hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý, 6 tháng, 9 tháng và năm 2016, quyết định những mục tiêu cụ thể và đề ra các chủ trương, định hướng và giải pháp trọng tâm để Giám đốc công ty tổ chức triển khai thực hiện

Trong năm 2016, theo chỉ đạo của HĐQT, Ban điều hành đã chỉ đạo quyết liệt và thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ. Nhiều mặt hoạt động của công



ty được đặc biệt quan tâm như: công tác đầu tư; tiết giảm, sử dụng hợp lý chi phí; rà soát, ban hành kịp thời các định mức kinh tế kỹ thuật (khoản chi phí vận tải, cơ chế khoán kinh doanh cho các đơn vị..); quản lý chặt chẽ công nợ, bảo đảm an toàn tài chính và hiệu quả kinh doanh...

Nhìn chung năm 2016, Giám đốc, các thành viên Ban giám đốc đã chỉ đạo hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD: Đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu; sản phẩm quản lý, bảo trì thực hiện đúng phương án tác nghiệp, tiến độ và chất

lượng; nỗ lực cùng Hội đồng quản trị tìm kiếm, khai thác các sản phẩm dịch vụ khác nhằm đảm bảo việc làm và tăng thu nhập cho CBCNV. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh của công ty đúng quy định của pháp luật. Chủ động các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế trên cơ sở nhiệm vụ được Tổng công ty ĐSVN đặt hàng và kế hoạch của Hội đồng Quản trị phê duyệt.

4. Định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2017

Những kết quả khả quan năm 2016 sẽ khích lệ tinh thần phấn khởi cho CBCNV toàn Công ty trong phong trào thi đua SXKD năm 2017.

Tuy nhiên, năm 2017 sản phẩm công ích của công ty được giao giảm 3,1% so với năm 2016. Hiện nay sự cạnh tranh gay gắt của các đơn vị cùng lĩnh vực trong ngành đường sắt, trong việc tham gia công tác sửa chữa lớn công trình đường sắt của ngành cũng như các khách hàng có đường sắt dùng riêng. Vì vậy, để đạt được tỷ lệ tăng trưởng như năm 2016 sẽ là rất khó khăn. Đứng trước những thuận lợi và khó khăn nêu trên, Hội đồng Quản trị Công ty sẽ thực hiện công tác định hướng như sau:

- Tiếp tục tập trung công tác giám sát, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, trong đó tập trung cao nhất nguồn lực vào công tác hoàn thành 100% khối lượng sản phẩm quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt theo đúng hợp đồng đặt hàng bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt với Tổng



công ty Đường sắt Việt Nam, đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng; đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu; giữ vững công lệnh tốc độ, tải trọng.

- Đẩy mạnh công tác tìm kiếm, khai thác các sản phẩm, dịch vụ ngoài công ích có mức tăng trưởng cao hơn so với năm 2016 nhằm bù đắp khối lượng sản phẩm công ích sụt giảm, tạo ra nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.
- Chỉ đạo Ban Điều hành tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chính sách đối với người lao động, trọng dụng nguồn nhân lực có chuyên môn cao, tâm huyết, sáng tạo đem lại hiệu quả thiết thực cho Công ty. Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, chú trọng công tác quy hoạch nhân sự, tăng cường công tác đào tạo nâng cao tay nghề, tính chuyên nghiệp và tinh thần trách nhiệm của CBCNV nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất.
- Chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện quyết liệt và có hiệu quả các nội dung nêu trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017.
- Điều chỉnh mô hình tổ chức sản xuất của Công ty, sao cho thích ứng tốt nhất với các quy định mới của pháp luật, kịp thời đón bắt các cơ hội kinh doanh mới nhằm tối đa hóa lợi ích cho các cổ đông.



BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY



1. Hội đồng quản trị

Thành viên hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần năm giữ	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
1	Nguyễn Việt Anh	Chủ tịch HĐQT	157.133	12,78%
2	Trần Như Thăng	Thành viên HĐQT	156.766	12,75%
3	Nguyễn Văn Bình	Thành viên HĐQT	2.563	0,21%

Hoạt động của hội đồng quản trị năm 2016

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Nguyễn Việt Anh	Chủ tịch HĐQT	30	100%
2	Trần Như Thăng	Thành viên HĐQT	30	100%
3	Nguyễn Văn Bình	Thành viên HĐQT	30	100%

Năm 2016, HĐQT hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ, Luật doanh nghiệp. Các cuộc họp của HĐQT được duy trì đều đặn, đúng Điều lệ. HĐQT đã bám sát định hướng của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế của công ty để đề ra và triển khai các Nghị quyết. HĐQT đã tổ chức họp 06 phiên để quyết định các nội dung chủ yếu thuộc chức trách, nhiệm vụ của HĐQT để chỉ đạo, quản lý, giám sát các hoạt động của công ty. Một số công việc chính:

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Thông qua các Báo cáo tài chính kiểm toán và đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty hàng quý và năm 2016.
- Ban hành hệ thống quy chế quản lý nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam để quản lý, giám sát, điều hành



hoạt động của công ty. Xây dựng được hệ thống quản trị nội bộ, đáp ứng mục tiêu minh bạch, kịp thời thông tin với cổ đông và nhà đầu tư.

- Chỉ đạo, giám sát công tác đầu tư phát triển kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ ngành theo chủ trương, định hướng của Tập đoàn theo thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành trong năm:

STT	Số nghị quyết/ quyết định	Ngày	Nội dung
1	02-2016/NQ-HĐQT	01/01/2016	Nghị quyết về Ban hành qui chế hoạt động của HĐQT
2	08-2016/QĐ-HĐQT	08/01/2016	Quyết định ban hành qui chế quản trị nội bộ
3	14-2016/NQ-HĐQT	05/02/2016	Nghị quyết về Ban hành qui chế hoạt động của BGD và các phòng giúp việc
4	18-2016/NQ-HĐQT	21/03/2016	Họp Hội đồng quản trị mở rộng
5	20-2016/NQ-HĐQT	15/4/2016	Họp Hội đồng quản trị mở rộng, điều chỉnh nhân sự các phòng giúp việc
6	23-2016/NQ-HĐQT	06/05/2016	Nghị quyết về việc đăng ký giao dịch Cổ phiếu trên sàn giao dịch Upcom
7	25-2016/NQ-HĐQT	25/05/2016	Nghị quyết HĐQT về việc ban hành qui chế tổ chức và hoạt động của BGD và các phòng giúp việc (lần 2)
8	26/QĐ-HĐQT	30/05/2016	Quyết định về việc ban hành quy chế tuyển dụng lao động
9	28-2016/QĐ-HĐQT	17/06/2016	Báo cáo về các dự án đầu tư
10	30-2016/NQ-HĐQT	29/06/2016	Nghị quyết về công tác nhân sự phòng QLCT
11	31-2016/NQ-HĐQT	05/07/2016	Nghị quyết về công tác nhân sự tại CD Phú Đức
12	33-2016/NQ-HĐQT	05/07/2016	Nghị quyết về xây dựng thỏa ước lao động tập thể



13	40-2016/QĐ-HĐQT	22/08/2016	Quyết định tham gia dự án ĐS số 1 đoạn Cửa Ông - Cọc 4
14	42-2016/NQ-HĐQT	31/08/2016	QĐ thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng
15	46-2016/HĐQT	29/09/2016	Nghị quyết về chuyển đổi phòng Y tế Công ty thành trạm khám
16	49-2016/NQ-HĐQT	21/10/2016	Nghị quyết giải thể phòng QLCT
17	51-2016/NQ-HĐQT	30/11/2016	Nghị quyết tuyển dụng lao động mới
18	53-2016/BC-HĐQT	20/12/2016	Báo cáo hiệu quả hoạt động SXKD

Hoạt động của Thành viên hội đồng quản trị độc lập: Công ty không có Thành viên HĐQT độc lập.

2. Báo cáo và đánh giá của Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần năm giữ	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
1	Bùi Trọng Dũng	Trưởng BKS	1.965	0,16%
2	Giang Tiến Duy	Thành viên BKS	769	0,06%
3	Trần Văn Dự	Thành viên BKS	1.367	0,11%

Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2016 Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Đường sắt Vinh Phú đã hoàn thành nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông đã giao phó, cụ thể Ban kiểm soát đã thực hiện những nội dung cụ thể như sau:

- Tham gia tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị (HĐQT), đưa ra các kiến nghị với HĐQT – Ban giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2016.



- Giám sát hoạt động của HĐQT, điều hành của Ban Giám đốc và Bộ máy quản lý Công ty trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động năm 2016 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót, từ đó đề xuất những kiến nghị giải pháp phù hợp cho Ban lãnh đạo và cán bộ quản lý Công ty.
- Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban giám đốc trong năm 2016, kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo đúng các quy định của pháp luật.
- Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng, năm của Công ty; xem xét ảnh hưởng của các sai sót trọng yếu trong kế toán và báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính; giám sát việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán đưa ra.
- Họp Ban Kiểm soát mỗi quý 01 lần (không kể các cuộc họp bất thường). nhằm xem xét, đánh giá các hoạt động kế toán và tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.
- Các công việc khác theo quy định của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.

3. Lương, thù lao của HĐQT, Ban TGD và BKS năm 2016

Thù lao HĐQT và Ban Giám đốc

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Thu nhập	Cộng
1	Nguyễn Việt Anh	Chủ tịch	0	306.800.000	306.800.000
2	Trần Như Thắng	Thành viên	24.000.000	269.000.000	293.000.000
3	Nguyễn Văn Bình	Thành viên	24.000.000	159.295.000	183.295.000
	Cộng		48.000.000	735.095.000	783.095.000



Thù lao Ban Kiểm soát

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Thu nhập	Cộng
1	Bùi Trọng Dũng	Trưởng Ban	0	237.240.000	237.240.000
2	Giang Tiến Duy	Thành viên	12.000.000	93.314.000	105.314.000
3	Trần Văn Dự	Thành viên	12.000.000	120.280.000	132.280.000
	Cộng		24.000.000	450.834.000	474.834.000

4. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan:

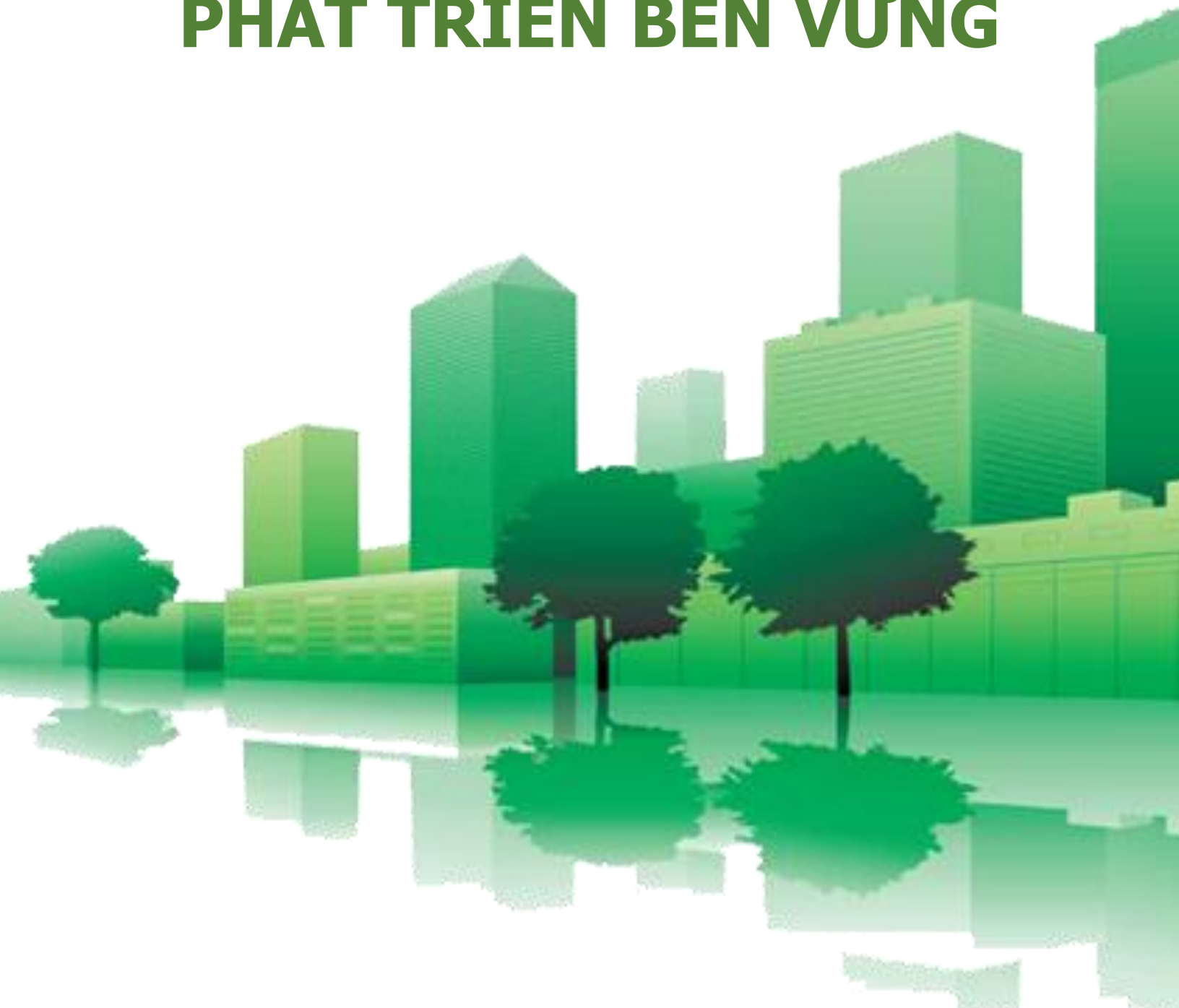
Không

5. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Từ khi tham gia thị trường chứng khoán đến nay, Công ty luôn chủ động nắm bắt các quy định pháp luật có liên quan và cập nhật kịp thời vào quy chế quản trị nội bộ của Công ty, một mặt nâng cao hiệu quả quản lý, mặt khác thúc đẩy sự công bằng, minh bạch trong quá trình xử lý sự cố và những sai sót phát sinh, ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



1. Tiêu thụ năng lượng

Tiêu thụ điện năng

Điện năng được công ty sử dụng chủ yếu cho hai mục đích là chiếu sáng tại các kho bãi và sử dụng trong công việc của bộ phận hành chính – văn phòng. Công ty luôn ý thức việc sử dụng tiết kiệm điện năng theo chương trình mục tiêu Quốc gia về tiết kiệm năng lượng.

Trong thời gian tới, Công ty sẽ đẩy mạnh việc giảm thiểu tiêu thụ điện năng bằng cách thay thế toàn bộ bóng đèn sợi đốt bằng bóng đèn huỳnh quang, tắt các thiết bị điện khi không cần thiết; rà soát lại các máy móc, trang thiết bị điện để tiến hành thay mới nếu cần thiết.

Tiêu thụ nước

Mục đích sử dụng: Do đặc thù của ngành kinh doanh nên Công ty chỉ sử dụng nước vào mục đích sinh hoạt cũng như vệ sinh kho bãi. Công ty không trực tiếp tiến hành quy trình tái chế và xử lý nước thải. Tuy nhiên, Công ty luôn đảm bảo nguồn nước sau khi sử dụng được thu gom và xả thải đúng quy định, không gây ảnh hưởng xấu tới môi trường xung quanh.

2. Bảo vệ môi trường

- ***Tuân thủ pháp luật về môi trường***

Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt cũng như thường xuyên cập nhật các quy định của pháp luật về môi trường. Vì vậy, trong suốt quá trình hoạt động, Công ty chưa từng bị nhắc nhở, xử phạt trong các vấn đề đối với môi trường.

- ***Xây dựng hồ sơ pháp lý trong công tác môi trường***

- Thực hiện đăng ký Đề án bảo vệ môi trường
- Lập Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại
- Xây dựng khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại
- Phân công Trạm y tế Công ty theo dõi thường xuyên công tác bảo vệ môi trường
- Đang thực hiện thủ tục cấp Giấy phép xả thải vào nguồn nước...

- ***Thực hiện công tác bảo vệ môi trường thường xuyên, định kỳ***

- Thực hiện quan trắc môi trường định kỳ 02 lần/ năm
- Ký hợp đồng với Công ty môi trường đô thị để thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, công nghiệp
- Định kỳ tổ chức vệ sinh kho bãi, nạo vét hệ thống thoát nước... đảm bảo vệ sinh môi trường và mỹ quan tại công ty
- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý chất thải nguy hại nếu có
- Thực hiện chế độ báo cáo liên quan đến công tác môi trường theo đúng quy định và yêu cầu của cơ quan quản lý
- Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường cho CBCNV Công ty, nhất là bộ phận trực tiếp sản xuất
- Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh luôn chủ động thực hiện các biện pháp vệ sinh môi trường để giảm thiểu tác động đến môi trường xung quanh. Ví dụ như: bảo dưỡng máy móc thiết bị để giảm tiếng ồn khi vận hành, vệ sinh bãi để giảm bụi...

3. Chính sách liên quan đến người lao động

❖ **Số lượng lao động ,mức lương trung bình đối với người lao động**

STT	Phân loại	Số lượng	Tỷ trọng (%)	Mức lương trung bình (Đồng/người/tháng)
1	Theo giới tính:			
	- Nam	337	64,4%	7.200.000
	- Nữ	186	35,6%	
2	Theo hợp đồng lao động:			
	- Theo thời gian (ban kíp)	327	62,5%	
	- Theo khoán sản phẩm	196	37,5%	
3	Theo trình độ:			
	- Đại học trở lên	73	14%	
	- Cao đẳng, trung cấp	56	10,7%	
	- Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông	394	75,3%	

❖ **Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động**

• **Đảm bảo sức khỏe và an toàn cho CBCNV:**

- Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với người lao động về BHXH, BHYT, BHTN.
- Khám sức khỏe định kỳ cho người lao động ít nhất 01 lần/ năm
- Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật lao động
- Cung cấp nước sạch tại nơi làm việc, trang bị bảo hộ lao động và thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn vệ sinh lao động như định kỳ kiểm định máy, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động...



- **Đảm bảo phúc lợi cho CBCNV**

- Đảm bảo mức thu nhập ổn định cho CBCNV. Ngoài ra, Công ty cũng xây dựng chính sách lương - thưởng phù hợp và minh bạch.
- Chăm lo đời sống tinh thần cho CBCNV thông qua các hoạt động văn hóa – thể thao, các chương trình tham quan, du lịch,...
- Hỗ trợ thường xuyên và kịp thời cho các CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, bị bệnh hiểm nghèo,...
- Khuyến khích con em của CBCNV thi đua học tập bằng các phần quà ý nghĩa nhân các dịp tết thiếu nhi và Trung Thu.

- **Đảm bảo bình đẳng giới**

Công ty cũng chú trọng đến vấn đề bình đẳng giới – bảo vệ quyền lợi của phụ nữ, với các minh chứng cụ thể như sau:

- Mức lương bình quân của người lao động nữ tương đương với mức lương bình quân của lao động nam.
- Thực hiện đúng các chế độ đối với lao động nữ theo quy định của pháp luật
- Các lao động nữ không gặp bất kỳ rào cản nào trong công việc cũng như phát triển sự nghiệp.
- Định kỳ hàng năm, Công ty có các chương trình dành riêng cho chị em phụ nữ nhân các dịp như Quốc tế phụ nữ 08/03 và Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10.

- ❖ **Hoạt động đào tạo người lao động**

Số giờ đào tạo bình quân của mỗi CBCNV trong năm 2016 là 40h/CBCNV. Trong đó, có các chương trình đào tạo như sau:

- Đào tạo về chuyên môn, kỹ năng làm việc cho người lao động mới vào Công ty; đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho CBCNV
- Đào tạo về An toàn vệ sinh lao động, kỹ năng PCCC cho CBCNV
- Các khóa đào tạo ngắn hạn, các chương trình, hội thảo, chuyên đề do Ủy ban chứng khoán nhà nước, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Thành phố, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, các tổ chức khác tổ chức có liên quan đến hoạt động của Công ty như nghiệp vụ kế toán, chế độ báo cáo về chứng khoán, chính sách mới về thuế, lao động, bảo hiểm xã hội, nghiệp vụ xuất nhập khẩu...



BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2016



**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT VĨNH PHÚ**

Báo cáo tài chính đã kiểm toán cho năm
tài chính kết thúc vào ngày
31/12/2016

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT VĨNH PHÚ

Địa chỉ: Phố Kiến Thiết, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.

THÔNG TIN CHUNG

Công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú là doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích (tiền thân là Xí nghiệp quản lý đường sắt Vĩnh Phú, được thành lập theo Quyết định số 877/1998/QĐ/TCCB-LĐ ngày 17/04/1998 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải và được đổi tên thành Công ty Quản lý đường sắt Vĩnh Phú theo Quyết định số 734/2003/QĐ-GTVT ngày 20/03/2003 của Bộ Giao thông Vận tải). Công ty được chuyển đổi hình thức sở hữu sang công ty TNHH MTV theo Quyết định số 717/QĐ-ĐS của Tổng Công ty đường sắt Việt Nam (gọi tắt là Đường sắt Việt Nam). Công ty được chuyển đổi hình thức sở hữu sang Công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú theo Quyết định số 3898/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2015 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 2600109073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 03/12/2010 và sửa đổi lần thứ 2 ngày 31/12/2015.

Trong quá trình hoạt động thay đổi về chức danh người đại diện theo pháp luật của Công ty, thay đổi chuyển sang mô hình công ty cổ phần đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ chuẩn y tại đăng ký thay đổi lần 2 ngày 31/12/2015.

Hoạt động chính trong năm của Công ty bao gồm:

- Quản lý, duy tu, sửa chữa theo từng cấp kỹ thuật hệ thống cầu đường sắt, đảm bảo an toàn thông suốt trong mọi tình huống;
- Thi công, lắp đặt, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp mở rộng và xây dựng mới các công trình quy mô vừa và nhỏ thuộc đường sắt, đường bộ, đường thủy; Xây dựng công nghiệp, dân dụng và các công trình giao cắt với đường sắt; San lấp mặt bằng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng và kết cấu thép chuyên ngành bao gồm: Tà vẹt bê tông đường sắt, các kết cấu thép, phụ kiện đường sắt và các sản phẩm cơ khí.

Công ty có trụ sở đặt tại phố Kiến Thiết, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG CÔNG TY

Các thành viên của Ban giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | |
|-----------------------|----------------|
| - Ông Nguyễn Việt Anh | Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Trần Như Thắng | Giám đốc |
| - Ông Trần Thanh Tâm | Phó giám đốc |
| - Ông Trần Ngọc Thăng | Phó giám đốc |
| - Ông Phạm Xuân Tú | Phó giám đốc |
| - Ông Nguyễn Hữu Tạo | Kế toán trưởng |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Việt Anh - Chủ tịch Hội đồng quản trị và ông Trần Như Thắng - Giám đốc Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT VĨNH PHÚ

Địa chỉ: Phố Kiến Thiết, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp đã được tuân thủ, những sai lệch trọng yếu (nếu có) đã được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Phú Thọ, ngày 10 tháng 3 năm 2017

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,
Giám đốc

Trần Như Thăng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016*

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT VĨNH PHÚ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú, được lập ngày 10 tháng 3 năm 2017, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty đang ghi nhận toàn bộ các khoản chi phí phát sinh của công trình "Khắc phục chống bão lũ năm 2012", công trình "Sửa chữa lớn công km 78" đã ghi nhận doanh thu từ năm 2012 trên khoản mục "Hàng tồn kho" (Mã số 141) trên Bảng cân đối kế toán mà chưa thực hiện kết chuyển vào chi phí trong năm với số tiền là 1.404.758.460 đồng. Việc ghi nhận như vậy là không tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Nếu thực hiện kết chuyển vào chi phí thì khoản mục "Hàng tồn kho" và khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" sẽ giảm đi với số tiền tương ứng.

Theo công điện số 1225/CĐ-ĐS ngày 22/12/2015 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam về việc điều chỉnh giá ray Áo (giá cũ: 44.822.136 đồng/thanh, giá mới: 36.471.586 đồng/thanh, điều chỉnh giảm: 8.350.550 đồng/thanh). Công ty xác định tổng giá trị được điều chỉnh là: 4.676.308.000 đồng và đã thực hiện điều chỉnh giảm giá trị trên vào giá gốc hàng tồn kho và công nợ phải trả Tổng Công ty trong năm 2015. Tuy nhiên đến thời điểm 31/12/2016, theo đối chiếu công nợ giữa Công ty và Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam đang ghi nhận giá trị phải thu của Công ty là giá chưa điều chỉnh giảm, dẫn tới đối chiếu công nợ chênh lệch số tiền tương ứng. Nếu thực hiện điều chỉnh lại giá ray Áo theo giá chưa được điều chỉnh giảm thì khoản mục "Chi phí trả trước dài hạn" giảm: 2.171.143.000 đồng, khoản mục "Giá vốn hàng bán" năm nay tăng: 1.553.202.300 đồng, năm 2015 tăng: 951.962.700 đồng, khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" giảm đi: 2.505.165.000 đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO. Báo cáo kiểm toán số 65/2016/BCKT-BDO phát hành ngày 12/03/2016 ở dạng ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Công ty chưa thực hiện kết chuyển vào chi phí các khoản chi phí phát sinh của công trình "Khắc phục chống bão lũ năm 2012", công trình "Sửa chữa lớn cống km 78" đã ghi nhận doanh thu từ năm 2012 với số tiền là 1.404.758.460 đồng).

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO

Bùi Văn Vương - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 0780-2013-038-1

Phạm Thị Tú - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 2581-2013-038-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		76.333.813.850	92.131.499.361
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	13.908.843.301	7.273.014.866
1. Tiền	111		11.308.843.301	7.273.014.866
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.600.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		48.862.626.857	40.479.023.338
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	45.727.578.554	36.492.970.851
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	683.120.000	725.625.818
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	2.451.928.303	3.260.426.669
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	-	-
IV. Hàng tồn kho	140		13.562.343.692	44.379.461.157
1. Hàng tồn kho	141	V.6	13.562.343.692	44.379.461.157
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		25.050.844.942	37.636.153.126
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	246.973.055
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	-	246.973.055
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		8.111.159.444	8.163.703.787
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	8.111.159.444	8.163.703.787
<i>Nguyên giá</i>	222		22.234.485.569	20.461.758.297
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(14.123.326.125)	(12.298.054.510)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		16.939.685.498	29.225.476.284
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	16.939.685.498	29.225.476.284
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		101.384.658.792	129.767.652.487

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		87.648.994.855	117.471.862.487
I. Nợ ngắn hạn	310		87.648.994.855	117.439.862.487
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	33.860.432.926	44.720.003.123
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	360.000.000	11.069.644.091
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	3.900.747.030	4.152.609.534
4. Phải trả người lao động	314	V.12	15.807.608.468	11.631.802.577
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	216.201.000	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	17.297.818.497	21.714.371.166
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	15.665.763.929	20.825.720.970
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	540.423.005	3.325.711.026
II. Nợ dài hạn	330		-	32.000.000
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	32.000.000
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		13.735.663.937	12.295.790.000
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	13.735.663.937	12.295.790.000
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		12.295.790.000	12.295.790.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.439.873.937	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		101.384.658.792	129.767.652.487

Lập, ngày 10 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Văn Dự

Nguyễn Hữu Tạo

Trần Như Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	138.615.501.110	114.671.957.410
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		138.615.501.110	114.671.957.410
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	131.057.280.575	107.277.867.851
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.558.220.535	7.394.089.559
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	17.457.200	47.415.148
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	755.885.866	885.326.396
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		755.885.866	885.326.396
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	5.010.662.172	4.553.060.149
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.809.129.697	2.003.118.162
11. Thu nhập khác	31	VI.6	48.220.066	6.095.359.415
12. Chi phí khác	32	VI.7	44.102.143	6.298.219.577
13. Lợi nhuận khác	40		4.117.923	(202.860.162)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.813.247.620	1.800.258.000
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	373.373.683	407.439.978
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.439.873.937	1.392.818.022
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.171	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		1.171	-

Lập, ngày 10 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Văn Dự

Nguyễn Hữu Tạo

Trần Như Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		131.641.113.684	114.457.841.310
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(42.445.967.918)	(67.167.683.498)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(46.189.312.041)	(59.757.363.724)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(626.626.793)	(899.604.961)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(407.439.978)	(236.820.888)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		13.915.758.330	7.263.196.278
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(42.336.469.736)	(1.322.525.907)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13.551.055.548	(7.662.961.390)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.772.727.272)	(662.763.693)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22			4.358.153.141
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		17.457.200	47.556.276
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.755.270.072)	3.742.945.724
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		33.064.283.155	43.251.424.925
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(38.224.240.196)	(35.834.964.503)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.159.957.041)	7.416.460.422
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		6.635.828.435	3.496.444.756
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	7.273.014.866	3.776.570.110
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	13.908.843.301	7.273.014.866

Lập, ngày 10 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Văn Dự

Nguyễn Hữu Tạo

Trần Như Thắng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú là doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích (tiền thân là Xí nghiệp quản lý đường sắt Vĩnh Phú, được thành lập theo Quyết định số 877/1998/QĐ/TCCB-LĐ ngày 17/04/1998 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải và được đổi tên thành Công ty Quản lý đường sắt Vĩnh Phú theo Quyết định số 734/2003/QĐ-GTVT ngày 20/03/2003 của Bộ Giao thông Vận tải). Công ty được chuyển đổi hình thức sở hữu sang công ty TNHH MTV theo Quyết định số 717/QĐ-ĐS của Tổng Công ty đường sắt Việt Nam (gọi tắt là Đường sắt Việt Nam). Công ty được chuyển đổi hình thức sở hữu sang Công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú theo Quyết định số 3898/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2015 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 2600109073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 03/12/2010 và sửa đổi lần thứ 2 ngày 31/12/2015.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt và hoạt động xây lắp liên quan đến đường sắt, đường bộ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty gồm:

- Quản lý, duy tu, sửa chữa theo từng cấp kỹ thuật hệ thống cầu đường sắt, đảm bảo an toàn thông suốt trong mọi tình huống;
- Thi công, lắp đặt, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp mở rộng và xây dựng mới các công trình quy mô vừa và nhỏ thuộc đường sắt, đường bộ, đường thủy; Xây dựng công nghiệp, dân dụng và các công trình giao cắt với đường sắt; San lấp mặt bằng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng và kết cấu thép chuyên ngành bao gồm: Tà vẹt bê tông đường sắt, các kết cấu thép, phụ kiện đường sắt và các sản phẩm cơ khí.

Đặc điểm sản phẩm sản xuất hoặc dịch vụ cung cấp của doanh nghiệp: Các hoạt động liên quan đến đảm bảo an toàn thông suốt của kết cấu hạ tầng đường sắt.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động của Công ty là khoảng thời gian từ khi mua nguyên vật liệu tham gia vào quy trình sản xuất đến khi chuyển đổi thành tiền hoặc tài sản dễ chuyển đổi thành tiền, thông thường không quá một năm.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Năm 2016 là năm tài chính đầu tiên Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần. Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, việc chuyển đổi loại hình Công ty không có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty đặt tại phố Kiến Thiết, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, Công ty không có đơn vị hạch toán phụ thuộc, không có công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

7. Nhân viên

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2016 là 547 người, (tại ngày 31/12/2015 là 526 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Thông tin so sánh được trình bày theo số liệu từ Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Kỳ kế toán năm:** Theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 là năm tài chính cuối cùng Công ty hoạt động dưới hình thức công ty Cổ phần.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã lập và trình bày báo cáo tài chính tuân thủ các yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các tài liệu hướng dẫn có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải thu khách hàng:** Gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- **Phải thu khác:** Gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán (như: phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; các khoản phải thu về cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Theo dõi khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Theo đánh giá của Ban giám đốc Công ty, Công ty không có khoản nợ phải thu khó đòi nào cần phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc xác định được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 02- “Hàng tồn kho”, cụ thể: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Nhập trước xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ được Công ty xác định bằng sản lượng dở dang (giá trị đã thực hiện nhưng chưa được nghiệm thu) nhân với (x) đơn giá dự toán.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, tại ngày 31/12/2016, Công ty không có hàng tồn kho bị giảm giá, hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời..., nên không cần trích lập dự phòng.

4. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình (TSCĐ HH)

TSCĐ HH được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ HH là toàn bộ các chi phí Công ty phải bỏ ra để có TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc xác định nguyên giá TSCĐ HH đối với từng loại phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 về TSCĐ HH.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu (chi phí nâng cấp, cải tạo, duy tu, sửa chữa...) được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ HH vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Khi TSCĐ HH được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

<u>Nhóm TSCĐ</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 23 năm
Máy móc thiết bị	08 - 10 năm
Phương tiện vận tải	07 - 09 năm
Thiết bị quản lý	06 - 08 năm

Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ

Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ được Công ty thực hiện theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 45/2013/TT-BTC

5. Nguyên tắc kế toán thuế***a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (20%). Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Tuy nhiên Công ty không phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

c) Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ, bao gồm:

<u>Loại chi phí</u>	<u>Thời gian phân bổ</u>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	50% cho mỗi năm
Lợi thế kinh doanh	5 năm

Riêng khoản chi phí trả trước dài hạn là giá trị Ray đường sắt mua từ Cộng hòa Áo, Công ty đã lắp đặt hệ thống đường sắt, nhưng chưa được Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam quyết toán. Công ty sẽ kết chuyển khoản chi phí này vào giá vốn khi Công ty quyết toán được với Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải trả người bán:** Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- **Phải trả khác:** Gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ (như: phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; phải trả do bên thứ ba chi hộ; phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...).

Theo dõi các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay gồm chi phí lãi vay và chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay (như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn...).

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh (trừ các trường hợp vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay").

Chi phí đi vay được vốn hóa

Chi phí đi vay phát sinh từ khoản vay riêng có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Trong năm 2016 Công ty không phát sinh chi phí đi vay được vốn hóa.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

b) Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản

Tài sản được đánh giá lại của Công ty bao gồm: TSCĐ hữu hình, vật tư, công cụ, dụng cụ, thành phẩm, hàng hóa, sản phẩm dở dang, công cụ dụng cụ, lợi thế kinh doanh.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được ghi nhận căn cứ: Quyết định số 2344/QĐ, ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng bộ Giao thông vận tải về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Vĩnh Phú thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

c) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận chưa phân phối được theo dõi chi tiết theo kết quả hoạt động kinh doanh của từng năm tài chính (năm trước, năm nay), đồng thời theo dõi chi tiết theo từng nội dung phân chia lợi nhuận (trích lập các quỹ, bổ sung Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động công ích

Doanh thu hoạt động sửa chữa, duy tu đường sắt được ghi nhận dựa trên cơ sở xác nhận của Ban quản lý cơ sở hạ tầng đường sắt và Tổng công ty đường sắt Việt Nam về khối lượng công việc hoàn thành và đơn giá sửa chữa theo hợp đồng kinh tế đã ký kết giữa hai bên.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu hoạt động ngoài công ích

Doanh thu hoạt động ngoài công ích chủ yếu là doanh thu hợp đồng xây dựng. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi có biên bản nghiệm thu, quyết toán và được khách hàng chấp nhận thanh toán. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: Lãi tiền gửi, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu hoạt động khác

Thu nhập khác là khoản thu từ tiền bồi thường thiệt hại; chi phí vận chuyển vật tư thu hồi được hoàn.

11. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát,...

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán trong năm.

12. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính.

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**13. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là các chi phí quản lý chung, gồm chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch và số dư với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số VII.2

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền mặt	6.180.609.542	1.529.106.172
Tiền gửi ngân hàng	5.128.233.759	5.743.908.694
Cộng	11.308.843.301	7.273.014.866
Các khoản tương đương tiền	2.600.000.000	
Cộng	13.908.843.301	7.273.014.866

2. Phải thu khách hàng**2.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty cổ phần Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	4.711.366.000	5.104.656.099
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	14.207.978.340	11.121.003.904
Công ty cổ phần Xây dựng công trình Trường Lộc	452.943.346	3.775.628.214
Công ty cổ phần đường sắt Yên Lào	6.831.409.374	8.275.878.135
Công ty cổ phần Viễn thông Đường sắt	2.250.562.000	2.250.562.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Thái Sơn Bộ Q.P	4.991.406.880	-
Các khách hàng còn lại	12.281.912.614	5.965.242.499
Cộng	45.727.578.554	36.492.970.851

3. Trả trước cho người bán**3.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
Doanh nghiệp tư nhân - Xí nghiệp Phú Cường	169.120.000	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thủ Đô	514.000.000	-
Công ty cổ phần cơ khí cầu đường Hà Ninh	-	300.000.000
Công ty cổ phần xây dựng Đức Anh	-	125.000.000
Công ty CP Xây dựng công trình công nghệ cao Thăng Long	-	172.860.000
Các khách hàng còn lại	-	127.765.818
Cộng	683.120.000	725.625.818

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**4. Phải thu khác****4.1 Phải thu khác ngắn hạn**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về cổ phần hóa	494.495.454	-	494.495.454	-
Tạm ứng	87.400.000	-	85.900.000	-
Ký quỹ, ký cược	292.910.257	-	-	-
Kinh phí công đoàn	-	-	48.140.521	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	85.384.670	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	23.754.018	-	52.657.250	-
Phải thu khác	1.553.368.574	-	2.493.848.774	-
<i>Phải thu Ban QL dự án ĐS KVI công trình 1856</i>	<i>374.968.000</i>	<i>-</i>	<i>374.968.000</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu lại tiền bồi thường do gây ra tai nạn đường sắt</i>	<i>216.627.918</i>	<i>-</i>	<i>216.627.918</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu tiền thuê máy chèn Áo (i)</i>	<i>950.290.156</i>	<i>-</i>	<i>950.290.156</i>	<i>-</i>
<i>Tổng Công ty đường sắt Việt Nam</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>951.962.700</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>11.482.500</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	2.451.928.303	-	3.260.426.669	-

(i): Phải thu tiền cho thuê máy chèn Áo năm 2015 của Công ty cổ phần Đường sắt Hà Ninh (593.931.348 đồng) và Công ty cổ phần Đường sắt Hà Hải (356.358.808 đồng).

4.2 Phải thu khác dài hạn khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ dài hạn	-	-	246.973.055	-
Cộng	-	-	246.973.055	-

5 Nợ tồn đọng**5.1 Các khoản phải thu quá hạn nhưng chưa thu hồi được do chưa quyết toán**

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Các khoản phải thu, cho vay ngắn hạn						
Tiền bồi thường do gây ra tai nạn đường sắt (*)	216.627.918	-	216.627.918	216.627.918	-	216.627.918
Xí nghiệp kinh doanh dịch vụ & Thi công cơ giới (Hà Thái)	215.002.000	-	215.002.000	215.002.000	-	215.002.000
Ban QLDA giao thông Phú Thọ	554.521.000	-	554.521.000	554.521.000	-	554.521.000
Công ty viễn thông TH đường sắt	2.250.562.000	-	2.250.562.000	2.250.562.000	-	2.250.562.000
Công ty cổ phần TM Sông Hồng Thủ Đô	162.975.273	-	162.975.273	162.975.273	-	162.975.273
Ban QLDA công trình giao thông Vĩnh Phúc	47.557.000	-	47.557.000	47.557.000	-	47.557.000
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái	823.939.899	-	823.939.899	823.939.899	-	823.939.899
Cộng	4.271.185.090	-	4.271.185.090	4.271.185.090	-	4.271.185.090

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(*) Khoản tiền phải thu của các cá nhân, tổ chức gây ra tai nạn đường sắt phải bồi thường nhưng chưa thu được.

5.2 Đánh giá của Công ty về khả năng thu hồi nợ quá hạn

Công ty đã đánh giá các khoản nợ quá hạn với sự thận trọng phù hợp và nhận thấy các khoản nợ trên chủ yếu là các khoản nợ trong ngành Đường sắt do đó khả năng thu hồi được là rất cao. Vậy Công ty không trích lập dự phòng cho các khoản phải thu này. Công ty sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp để đảm bảo thu hồi được số nợ quá hạn nêu trên.

6. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.171.882.571	-	10.481.689.460	-
Công cụ, dụng cụ	2.401.339.015	-	3.122.989.282	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.989.122.106	-	30.774.782.415	-
Cộng	13.562.343.692	-	44.379.461.157	-

(i) Hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: Không có.

(ii) Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả: Không có.

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Tại ngày 31/12/2015	10.264.648.297	3.592.325.000	5.926.792.000	677.993.000	20.461.758.297
Mua trong năm	-	1.679.727.272	-	93.000.000	1.772.727.272
Tặng khác	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	10.264.648.297	5.272.052.272	5.926.792.000	770.993.000	22.234.485.569
Hao mòn lũy kế					
Tại ngày 31/12/2015	6.922.935.761	1.930.802.137	3.149.490.367	294.826.245	12.298.054.510
Khấu hao trong năm	465.333.283	518.172.870	723.909.033	106.589.629	1.814.004.815
Tặng khác (*)	-	11.266.800	-	-	11.266.800
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	7.388.269.044	2.460.241.807	3.873.399.400	401.415.874	14.123.326.125
Giá trị còn lại					
Tại ngày 31/12/2015	3.341.712.536	1.661.522.863	2.777.301.633	383.166.755	8.163.703.787
Tại ngày 31/12/2016	2.876.379.253	2.811.810.465	2.053.392.600	369.577.126	8.111.159.444

Trong đó:

(*): Tặng khác: khấu hao của máy móc thiết bị hình thành từ nguồn quỹ phúc lợi.

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:

0 đồng

Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý:

0 đồng

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo khoản vay:

0 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

8.2 Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2016	01/01/2016
Ray Áo đã xuất dùng, nhưng chưa được Tổng công ty đường Sắt phê duyệt kinh phí thanh toán (*)	15.615.378.403	27.270.961.115
Lợi thế kinh doanh phát sinh khi khi cổ phần hoá Công ty	800.000.000	1.008.401.432
Đánh giá lại công cụ dụng cụ khi cổ phần hóa Công ty	-	181.552.464
Công cụ dụng cụ dài hạn xuất dùng	524.307.095	764.561.273
Cộng	16.939.685.498	29.225.476.284

(*): Công ty sẽ phân bổ khoản chi phí này vào giá vốn khi Công ty quyết toán với Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam về khối lượng Ray Áo đã xuất dùng.

9. Phải trả người bán

9.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Công ty cổ phần Đá Đồng Mô	-	-	1.653.843.400	1.653.843.400
Công ty Thông tin tín hiệu Đường Sắt Hà Nội	1.045.987.536	1.045.987.536	1.347.798.213	1.347.798.213
Xí nghiệp vật liệu và Xây lắp - Công ty cổ phần Công trình 6	1.365.313.800	1.365.313.800	2.885.278.992	2.885.278.992
Công ty TNHH MTV Đá Phú Lý	525.655.900	525.655.900	907.254.700	907.254.700
Công ty Cổ phần cơ khí cầu đường Hà Ninh	2.391.644.860	2.391.644.860	-	-
Tổng công ty đường sắt Việt Nam (*)	20.934.127.776	20.934.127.776	27.610.435.776	27.610.435.776
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Công nghiệp Nam Việt	-	-	2.779.220.665	2.779.220.665
Các nhà cung cấp còn lại	7.597.703.054	7.597.703.054	7.536.171.377	7.536.171.377
Cộng	33.860.432.926	33.860.432.926	44.720.003.123	44.720.003.123

(*) Theo công điện số 1225/CD-ĐS ngày 22/12/2015 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam về việc điều chỉnh giá ray Áo (giá cũ: 44.822.136 đồng/thanh, giá mới: 36.471.586 đồng/thanh, điều chỉnh giảm: 8.350.550 đồng/thanh). Công ty xác định tổng giá trị được điều chỉnh giảm là: 4.676.308.000 đồng và đã thực hiện điều chỉnh giảm giá trị trên vào giá gốc hàng tồn kho và công nợ phải trả Tổng Công ty trong năm 2015. Tuy nhiên đến thời điểm 31/12/2016, theo đối chiếu công nợ giữa Công ty và Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam vẫn ghi nhận giá trị phải thu của Công ty là giá trị tính trên giá ray Áo chưa điều chỉnh giảm, dẫn tới đối chiếu công nợ chênh lệch số tiền tương ứng.

10.2 Phải trả người bán là các bên liên quan

Xem thuyết minh VII.2.2

10. Người mua trả tiền trước

10.1 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty Thái Sơn		6.963.380.000
Công ty cổ phần Than Cửa Ông		2.296.264.091
Công ty Cổ phần xây dựng Minh Tuấn Hiệp	360.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Công ty VIWASEEN 3		1.320.000.000
Các khách hàng còn lại		490.000.000
Cộng	360.000.000	11.069.644.091

10.2 Người mua trả tiền trước là các bên liên quan

Xem thuyết minh VII.2.2

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**11.1 Thuế phải nộp**

	Số tại ngày 01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số tại ngày 31/12/2016
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.714.978.809	10.143.468.639	10.331.074.101	3.527.373.347
Thuế thu nhập doanh nghiệp	407.439.978	373.373.683	407.439.978	373.373.683
Thuế thu nhập cá nhân	23.400.565	97.280.945	120.681.510	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	6.790.182	8.092.637	14.882.819	-
Cộng	4.152.609.534	10.622.215.904	10.874.078.408	3.900.747.030

Thuế GTGT

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Với Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho sản phẩm, dịch vụ của Công ty là 10%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

12. Phải trả người lao động

	31/12/2016	01/01/2016
Lương tháng 12 chưa trả	1.890.435.461	2.025.926.442
Tiền ăn giữa ca 12 chưa trả	611.383.174	598.259.409
Tiền lương các công trình ngoài công ích chưa trả	1.941.927.460	2.112.831.921
Tiền lương dự phòng	11.283.862.373	6.894.784.805
Thù lao thành viên HĐQT, BKS	80.000.000	-
Cộng	15.807.608.468	11.631.802.577

13. Chi phí phải trả**13.1 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
Chi phí lãi vay cá nhân - bà Phạm Thị Hồng Vi	216.201.000	-
Cộng	216.201.000	

14. Phải trả khác**14.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2016	01/01/2016
Bảo hiểm xã hội	114.350.858	-
Bảo hiểm y tế	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	53.934.000
Kinh phí công đoàn	87.045.201	-
Phải trả về cổ phần hóa	778.808.128	4.139.684.454
Phải trả, phải nộp khác	16.317.614.310	16.953.875.704

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Trong đó:

Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam:		
- Điều chuyển vật tư thu hồi	8.636.451.700	8.636.451.700
- Tiền thuê máy chèn Áo	1.194.757.814	950.290.156
- Các khoản phải thu khác	2.626.882.092	1.092.714.362
Ngân sách nhà nước (liên quan đến vật tư thu hồi)	3.524.360.760	5.972.529.212
Các đối tượng khác	335.161.944	301.890.274
Cộng	17.297.818.497	21.714.371.166

15. Vay và nợ thuê tài chính**Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	01/01/2016		Phát sinh trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Quân đội- CN Nam Việt Trì (i)	9.505.720.970	9.505.720.970	28.704.283.155	25.104.240.196	13.105.763.929	13.105.763.929
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt- CN Phú Thọ (ii)	8.250.000.000	8.250.000.000	3.050.000.000	11.300.000.000	-	-
Bà Phạm Thị Hồng Vi (iii)	3.070.000.000	3.070.000.000	1.310.000.000	1.820.000.000	2.560.000.000	2.560.000.000
Cộng	20.825.720.970	20.825.720.970	33.064.283.155	38.224.240.196	15.665.763.929	15.665.763.929

Chi tiết các khoản vay ngân hàng và các công ty tài chính ngắn hạn

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Việt Trì để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động thi công xây lắp các công trình đường sắt của Công ty. Thời hạn vay không vượt quá 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay là lãi suất thả nổi tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư loại 12 tháng VNĐ cộng với lãi suất biên, lãi suất biên được quy định cụ thể trên khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng sản lượng dở dang, quyền đòi nợ hình thành từ Hợp đồng đặt hàng số 02/2016/HĐ- QLBDTX và sản lượng dở dang, quyền đòi nợ hình thành từ các công trình do MB tài trợ.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt Bưu Điện - Chi nhánh Phú Thọ để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động thi công xây lắp các công trình đường sắt. Thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay được quy định cụ thể trên khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Hạn mức tín dụng là 10.900.000.000 đồng. Cấp tín dụng không có bảo đảm tài sản. Đã trả hết nợ trong năm.
- (iii) Vay ngắn hạn bà Phạm Thị Hồng Vi theo hợp đồng số 640/HĐTD ngày 20/07/2013 với lãi suất khoản vay bằng lãi suất ngân hàng tại thời điểm vay. Thời hạn trả nợ là khi Công ty không có nhu cầu vay.

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	31/12/2016	01/01/2016
Số dư đầu năm	3.325.711.026	2.452.565.641
Số trích trong năm	271.400.000	1.512.818.022
Số sử dụng trong năm	3.056.688.021	639.672.637
Số dư cuối năm	540.423.005	3.325.711.026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu

17.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	10.973.520.835	260.000.000	-	153.324.822	-	11.386.845.657
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	1.392.818.022	1.392.818.022
Tăng khác	3.862.798.271	-	3.862.798.271	-	-	7.725.596.542
Giảm vốn trong năm trước	(24.785.780)	-	-	-	-	(24.785.780)
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Chuyển lợi nhuận về Công ty mẹ	-	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	(1.392.818.022)	(1.392.818.022)
Giảm khác	(2.515.743.326)	(260.000.000)	(3.862.798.271)	(153.324.822)	-	(6.791.866.419)
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	12.295.790.000	-	-	-	-	12.295.790.000
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	1.439.873.937	1.439.873.937
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Chuyển lợi nhuận về Công ty mẹ	-	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	12.295.790.000	-	-	-	1.439.873.937	13.735.663.937

17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016	31/12/2015
Vốn góp của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	6.270.850.000	6.270.850.000
Vốn góp của các cổ đông khác	6.024.940.000	6.024.940.000
Cộng	12.295.790.000	12.295.790.000

17.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.229.579	1.229.579
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	1.229.579	1.229.579
- Cổ phiếu phổ thông	1.229.579	1.229.579
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.229.579	1.229.579
- Cổ phiếu phổ thông	1.229.579	1.229.579
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**17.4 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	12.295.790.000	10.973.520.835
+ Vốn góp tăng trong năm	-	3.862.798.271
+ Vốn góp giảm trong năm	-	(2.540.529.106)
+ Vốn góp cuối năm	12.295.790.000	12.295.790.000

17.5 Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**Mục đích trích lập các quỹ**

Quỹ đầu tư phát triển: Được sử dụng cho việc đầu tư mở rộng các hoạt động kinh doanh trong tương lai như đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác, mua sắm TSCĐ, XDCB, nghiên cứu và phát triển, đào tạo và cải thiện môi trường làm việc.

17.6 Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Nội dung	Năm nay	Năm trước
Tăng trong năm do thực hiện đánh giá lại tài sản phục vụ mục đích cổ phần hóa Công ty	-	3.862.798.271
Giảm trong năm do chuyển chênh lệch đánh giá lại tài sản sang nguồn vốn Đầu tư của chủ sở hữu.	-	3.862.798.271
Cộng	-	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ công ích	77.784.314.371	62.130.509.467
Doanh thu cung cấp dịch vụ ngoài công ích	60.831.186.739	52.541.447.943
Cộng	138.615.501.110	114.671.957.410

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ công ích	74.673.801.559	59.753.878.134
Giá vốn của dịch vụ ngoài công ích	56.383.479.016	47.523.989.717
Cộng	131.057.280.575	107.277.867.851

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	17.457.200	47.415.148
Cộng	17.457.200	47.415.148

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí vay	755.885.866	885.326.396
Cộng	755.885.866	885.326.396

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	80.000.000	-
Chi phí vật liệu quản lý	322.018.573	430.934.577
Chi phí đồ dùng văn phòng	335.225.646	193.634.109
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.086.327.501	573.004.533
Thuế, phí và lệ phí	24.574.953	82.356.452
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.125.999.460	925.228.484
Chi phí bằng tiền khác	2.036.516.039	2.347.901.994
Cộng	<u>5.010.662.172</u>	<u>4.553.060.149</u>

Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp: Không phát sinh.

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	118.181.818
Chi phí vận chuyển vật tư thu hồi được hoàn	14.962.622	-
Thanh lý vật tư thu hồi (Chưa trừ chi phí)	-	5.924.639.208
Tiền phạt vi phạm đường sắt	21.800.910	34.364.443
Các khoản khác	11.456.534	18.173.946
Cộng	<u>48.220.066</u>	<u>6.095.359.415</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ	-	128.417.800
Thanh lý vật tư thu hồi	-	5.924.639.208
Phạt, bồi thường liên quan đến vi phạm đường sắt	27.147.915	154.344.670
Các khoản bị phạt	1.954.128	8.670.566
Các khoản khác	15.000.100	82.147.333
Cộng	<u>44.102.143</u>	<u>6.298.219.577</u>

8. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	373.373.683	407.439.978
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>373.373.683</u>	<u>407.439.978</u>

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm của Công ty:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận thuần trước thuế	1.813.247.620	1.800.258.000
<u>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán</u>	<u>53.620.795</u>	<u>51.741.899</u>
<u>Các khoản điều chỉnh tăng</u>	<u>53.620.795</u>	<u>51.741.899</u>
<i>Các khoản phạt thuế</i>	<i>1.954.128</i>	<i>8.670.566</i>
<i>Chi phí khấu hao xe ô tô phần vượt quá 1,6 tỷ</i>	<i>51.666.667</i>	<i>43.071.333</i>
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước	1.866.868.415	1.851.999.899
Lỗ năm trước chuyển sang		-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	1.866.868.415	1.851.999.899
Thuế suất	20%	22%
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	<u><u>373.373.683</u></u>	<u><u>407.439.978</u></u>

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.420.637.535	34.661.979.807
Chi phí nhân công	52.475.948.222	55.047.296.749
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.814.004.815	1.401.035.239
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.783.647.001	3.852.006.611
Chi phí khác bằng tiền	13.689.563.932	16.883.339.215
Cộng	<u><u>112.183.801.505</u></u>	<u><u>111.845.657.621</u></u>

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.439.873.937	
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty (*)	1.439.873.937	
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm	0	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	<u>1.229.579</u>	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u><u>1.171</u></u>	

(*) Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty chưa có phương án phân chia lợi nhuận. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được ước tính dựa trên giả định toàn bộ lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp dành chia lợi nhuận.

(**) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được xác định như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	1.229.579	-
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm lưu hành bình quân trong năm		-
Trừ: Số lượng cổ phiếu quỹ mua lại bình quân trong năm		-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.229.579	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc niên độ kế toán.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

2.1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này và các thành viên chủ chốt khác trong Công ty.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lương, thưởng, phụ cấp đã trả	1.664.951.837	925.103.946
Lương, thưởng, phụ cấp chưa trả	-	329.745.077
Cộng	<u>1.664.951.837</u>	<u>1.254.849.023</u>

Giao dịch với các cá nhân có liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung</u>	<u>Giá trị</u>
Bà Phạm Thị Hồng Vi	Trưởng phòng Y tế	Công ty vay	1.310.000.000
		Công ty trả gốc vay	1.820.000.000
		Công ty trả lãi vay	140.383.400

Số dư với các cá nhân có liên quan như sau:

<u>Vay ngắn hạn</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bà Phạm Thị Hồng Vi	2.560.000.000	3.070.000.000

2.2 Các bên liên quan khác

- *Danh sách các bên liên quan khác với Công ty gồm:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Ban quản lý dự án đường sắt khu vực 1	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Ban quản lý dự án đường sắt khu vực 2	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải	Đơn vị trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Đường sắt Yên Lào	Đơn vị trong cùng Tổng Công ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái	Đơn vị trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Ninh	Đơn vị trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu đường sắt Hà Nội	Đơn vị trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	Đơn vị trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần XNK vật tư thiết bị Đường sắt - Xí nghiệp vật tư và dịch vụ Thanh Hóa	Đơn vị trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần XNK vật tư thiết bị Đường sắt - Xí nghiệp vật tư tổng hợp Đông Anh	Đơn vị trong cùng Tổng Công ty

- Giao dịch với các bên liên quan này trong năm như sau:

Bên liên quan	Nội dung	Giá trị
Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	89.318.264.385
Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam	Điều chuyển công nợ phải trả	22.934.127.776
Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam	Các khoản phải trả khác	2.446.802.116
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải	Cung cấp dịch vụ	2.274.974.810
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải	Mua dịch vụ	10.728.000
Công ty Cổ phần Đường sắt Yên Lào	Cung cấp dịch vụ	1.065.183.103
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Ninh	Cung cấp dịch vụ	713.188.339
Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu đường sắt Hà Nội	Mua vật tư	75.365.000
Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	Mua dịch vụ	1.978.345.000
Công ty Cổ phần XNK vật tư thiết bị Đường sắt - Xí nghiệp vật tư và dịch vụ Thanh Hóa	Mua vật tư	1.408.991.083
Công ty Cổ phần XNK vật tư thiết bị Đường sắt - Xí nghiệp vật tư tổng hợp Đông Anh	Mua vật tư, mua tài sản cố định	453.146.538

- Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan khác như sau:

Nợ phải thu	31/12/2016	01/01/2016
Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam	14.207.978.340	11.121.003.904
Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam (Chênh lệch ray Áo)	-	951.962.700
Ban quản lý dự án đường sắt khu vực 1	374.968.000	374.968.000
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải	1.666.139.810	721.704.755
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải (Phải thu tiền cho thuê máy chèn Áo)	356.358.808	356.358.808
Công ty Cổ phần Đường sắt Yên Lào	6.831.409.374	8.275.878.135
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái	823.939.899	823.939.899
Xí nghiệp KD DV & TCCG - Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái	215.002.000	215.002.000
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Ninh	547.607.539	1.238.601.251
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Ninh (Phải thu tiền cho thuê máy chèn Áo)	593.931.348	593.931.348
Cộng	25.617.335.118	24.673.350.800

Nợ phải trả	31/12/2016	01/01/2016
Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam	33.392.219.382	38.856.769.002
<i>Mua hàng hóa, dịch vụ</i>	<i>20.934.127.776</i>	<i>27.610.435.776</i>
<i>Điều chuyển vật tư thu hồi</i>	<i>8.636.451.700</i>	<i>8.636.451.700</i>
<i>Khấu hao và giá trị còn lại của máy Pháp</i>	<i>-</i>	<i>566.877.008</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

<i>Tiền thuê máy chèn Áo</i>	1.194.757.814	950.290.156
<i>Các khoản phải trả khác</i>	2.626.882.092	1.092.714.362
Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	1.978.345.000	-
Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu đường sắt Hà Nội	1.045.978.536	1.347.798.213
Cộng	<u>36.416.542.918</u>	<u>40.204.567.215</u>

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

Lập, ngày 10 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc**

Trần Văn Dự

Nguyễn Hữu Tạo

Trần Như Thắng